



TÒA ÁN NHÂN
DÂN TỐI CAO



DỰ ÁN THỨC ĐÁY MÔI
TRƯỜNG KINH DOANH
CÔNG BẰNG Ở ASEAN



UK Government

CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC ANH



CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN
LIÊN HỢP QUỐC



BÁO CÁO

**NHỮNG THỰC TIỄN TỐT VỀ THỰC HIỆN THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG
TÍNH LIÊM CHÍNH CỦA TOÀ ÁN**

Tháng 07/2020

Nhóm nghiên cứu:

Nhóm chuyên gia:

Nguyễn Hưng Quang (Trưởng Nhóm)

Nguyễn Tiến Lập

Trần Thị Thanh Huyền

Trợ lý nghiên cứu:

Nguyễn Thùy Dương

Vũ Thị Diệu Thảo

Lê Hải Linh

Lê Mai Phương

Đỗ Khắc Tất Hưng

Từ Thị Phương Uyên

Trần Thị Mỹ Hiệp

Ấn phẩm này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP) và Tòa án nhân dân tối cao trong khuôn khổ Dự án “Thúc đẩy kinh doanh công bằng ở ASEAN” do UNDP thực hiện và Quỹ Thịnh vượng Vương quốc Anh tài trợ thuộc Chương trình cải cách kinh tế ASEAN.

Những phát hiện, quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của Nhóm tác giả, và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP), Chính phủ Vương quốc Anh, cũng như Tòa án nhân dân tối cao.

MỤC LỤC

PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ	6
1.1. Bối cảnh nghiên cứu	6
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	8
1.3. Phương pháp nghiên cứu	10
PHẦN II – KHUNG PHÁP LÝ VÀ NHỮNG THỰC TIỄN TỐT TRONG VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN	12
2.1. Tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án	12
2.1.1. Cơ chế tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án cấp huyện	14
2.1.2. Cơ chế tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án cấp tỉnh	20
2.1.3. Cơ chế tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án cấp cao	24
2.1.4. Nộp đơn bằng phương tiện điện tử/trực tuyến	25
2.1.5. Một số phân tích, nhận định về công tác TTHC tư pháp.....	28
2.2. Phân công Thẩm phán giải quyết vụ án	33
2.2.1. Phân công Thẩm phán tại Tòa án cấp huyện	33
2.2.2. Phân công Thẩm phán tại Tòa án cấp tỉnh	34
2.2.3. Một số phân tích, nhận định về công tác phân công Thẩm phán giải quyết vụ án	36
2.3. Quản lý thời gian giải quyết vụ án	39
2.3.1. Phương pháp quản lý thời gian tố tụng	39
2.3.2. Công khai quy trình giải quyết vụ án	42
2.3.3. Áp dụng các biện pháp rút gọn thời gian giải quyết vụ án	45
2.3.4. Một số phân tích, nhận định về công tác quản lý thời gian giải quyết vụ án	50
2.4. Cấp trích lục, giao, gửi bản án và công khai bản án	54
2.4.1. Cấp trích lục, giao, gửi bản án	54
2.4.2. Công bố công khai bản án	56
2.4.3. Một số phân tích, nhận định về công tác cấp, trích lục, giao, gửi bản án và công khai bản án	57
PHẦN III – KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	60
PHẦN IV – PHỤ LỤC	66
PHỤ LỤC I – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	66
PHỤ LỤC II – DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT	69
PHỤ LỤC III – BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO THẨM PHÁN	71
PHỤ LỤC IV – BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO LUẬT SƯ, DOANH NGHIỆP .	73

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ luật Tố tụng Dân sự	BLTTDS
Tòa án nhân dân	TAND
Tòa án nhân dân tối cao	TANDTC
Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án	Trung tâm hòa giải, đối thoại
Thủ tục hành chính	TTHC
Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014	Luật TCTAND 2014
Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới	Nghị quyết 08
Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020	Nghị quyết 48
Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020	Nghị quyết 49
Nghị quyết 19/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	Nghị quyết 19/2014
Nghị quyết 19/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016	Nghị quyết 19/2015
Nghị quyết 19-2016/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020	Nghị quyết 19/2016
Nghị quyết 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực	Nghị quyết 19/2017

cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020

Nghị quyết 19-2018/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo

Chỉ thị 03/2016/CT-CA về việc tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án nhân dân

Quyết định 345/2016/QĐ-CA về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Luật tố tụng hành chính 2015 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử

Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án

Dự án phát triển Tư pháp và sự tham gia từ cơ sở

Dự án Quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện

Thành phố

Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc

Cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm của Liên Hiệp Quốc

Công ước quốc tế về Các quyền dân sự và chính trị 1966

Nghị quyết 19/2018

Chỉ thị 03/2016/CT-CA

Quyết định 345/2016/QĐ-CA

Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP

Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP

Dự án JUDGE

Dự án GIG

Tp.

UNDP

UNODC

ICCPR

PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 02/06/2005 đã xác định: “...*đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý...*”; “...*phải ban hành và thực hiện Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 phù hợp với quá trình đổi mới công tác lập pháp và chương trình cải cách hành chính...*”; và “...*cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội...*; gắn với *đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính...*”, “*khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài*”. Như vậy, Nghị quyết đã gắn hoạt động cải cách tư pháp với cải cách hành chính, đổi mới công tác lập pháp và yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

Từ năm 2005, hệ thống Tòa án nhân dân đã xác định “*đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại Toà án theo hướng công khai, đơn giản, thuận tiện để người dân dễ dàng thực hiện quyền khởi kiện của họ trước Toà án, người dân khởi kiện ở một Toà án, Toà án có trách nhiệm xác định thẩm quyền giải quyết thuộc cơ quan nào để chuyển hồ sơ và thông báo cho người khởi kiện biết; công khai hoá thủ tục tiếp cận hồ sơ, cung cấp tài liệu, thông tin, trích lục bản án, quyết định của Toà án theo quy định của pháp luật*”¹. Trên cơ sở này, TAND tại nhiều địa phương đã tiến hành áp dụng những biện pháp cải cách thủ tục hành chính (**TTHC**) tư pháp nhất định.

Báo cáo “*Những thực tiễn tốt về thực hiện thủ tục hành chính tư pháp nhằm tăng cường tính liêm chính của Toà án*” (**Báo cáo**) được thực hiện trong bối cảnh toàn hệ thống Tòa án nhân dân đang có những cải cách mạnh mẽ về thể chế để nâng cao năng lực xét xử và liêm chính tư pháp. Trong những năm gần đây, TANDTC đã ban hành các nghị quyết về công bố bản án trực tuyến, thực hiện một số các TTHC tư pháp bằng phương tiện điện tử, ban hành Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán, triển khai thí điểm hoà giải, đối thoại tại Toà án²... Tại thời điểm thực hiện khảo sát thực địa vào cuối năm 2018 và đầu năm 2019, TANDTC đã đồng bộ và hiện đại

¹ Kế hoạch số 122/BCS của Ban Cán sự Đảng TANDTC ngày 26/12/2005 (**Kế hoạch số 122/BCS**)

² Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP; Quyết định số 87/QĐ-HĐTC ngày 04/07/2018 của Hội đồng tuyển chọn giám sát thẩm phán quốc gia về ban hành Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán (<https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-tin?dDocName=TAND050507>); Chỉ thị số 03/2016/CT-CA

hoá Cổng thông tin điện tử của TANDTC cùng hệ thống 66 trang thông tin điện tử của TAND cấp cao và TAND các tỉnh, thành phố. Thêm vào đó, trên tinh thần “*nâng tỷ lệ hòa giải thành các vụ việc dân sự*”³, TANDTC đã tiến hành thí điểm công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án trên phạm vi thí điểm trong 16 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương⁴ (thời gian thí điểm bắt đầu từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2019).

Tuy nhiên, thực tế chưa có nhiều nghiên cứu, khảo sát tìm hiểu những thực tiễn tốt trong hệ thống Tòa án để có thể hoàn thiện các mô hình thực tiễn này và nhân rộng khắp toàn quốc. Trước thời điểm hệ thống Tòa án nhân dân có những thay đổi đáng kể nêu trên, UNDP đã có một số nghiên cứu liên quan tới các TTHC tư pháp tại Tòa án và quản lý Tòa án, điển hình như Báo cáo “Thực trạng quản lý hành chính Tòa án nhân dân địa phương ở Việt Nam” (The Reality of Local Court Governance in Vietnam) của UNDP phối hợp với Bộ Tư pháp và Ban Thư ký – Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp trung ương. Báo cáo này đã tìm hiểu về một số mô hình tiếp nhận đơn khởi kiện dân sự và TTHC tư pháp tại một số địa phương trong năm 2012. Gần đây, UNDP cũng phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện một nghiên cứu về tính liêm chính của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp thương mại. Những nghiên cứu này đều nêu ra một số vấn đề bắt nguồn từ một hay nhiều hoạt động trong chuỗi TTHC tư pháp còn gây cản trở cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận với hoạt động xét xử của Tòa án cũng như ảnh hưởng tới tính liêm chính của Tòa án⁵.

Do một số vấn đề khách quan, như đại dịch Covid-19 vào đầu năm 2020, hội thảo tham vấn để hoàn thiện Nghiên cứu đã phải kéo dài cho tới tháng 7/2020. Do đó, thời điểm Nghiên cứu này được hoàn thành, tháng 07/2020, Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án đã được Quốc hội thông qua⁶. Một số vấn đề công tác hoà giải, đối thoại theo Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án khác với hoạt động hoà giải, đối thoại trong giai đoạn thí điểm khi thực hiện khảo sát. Ngoài ra, công tác “*ứng dụng công nghệ thông tin tiến tới xây dựng Tòa án điện tử gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án*” được coi là những nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của TANDTC được

³ Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của TAND và công tác thi hành án năm 2013, Điều 2, khoản 3

⁴ 16 tỉnh, thành phố được thí điểm và thành lập Trung tâm bao gồm: Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa, Đồng Nai, Bình Dương, Long An

⁵ UNDP (2014), *Báo cáo khảo sát thực trạng Quản lý hành chính Tòa án nhân dân địa phương ở Việt Nam*, trang 18 và 19; UNDP_VCCI (2017), *Research report: Court Integrity in Settlement of Business and Commercial Cases - A Practical View* (Báo cáo nghiên cứu Tính liêm chính của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp thương mại - Góc nhìn thực tế) (English version), trang 27 và 28

⁶ Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án được thông qua ngày 16/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021

đề ra tại Chỉ thị số 01/2020/CT-CA của Chánh án TANDTC (**Chỉ thị 01/2020**)⁷. Những yếu tố này đã củng cố cho những đề xuất của Nghiên cứu này. Đồng thời, những phát hiện, đề xuất từ Nghiên cứu có thể giúp cho hệ thống Tòa án nhân dân có thể tham khảo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của mình.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Như đã đề cập, Nghiên cứu *“Những thực tiễn tốt về thực hiện thủ tục hành chính tư pháp nhằm tăng cường tính liêm chính của Tòa án”* được thực hiện nhằm tìm hiểu về khung pháp lý hiện hành và thực tiễn giải quyết TTHC tư pháp tại một số Tòa án, để từ đó tìm ra những mô hình đang hoạt động có hiệu quả, thích hợp trong việc tăng cường năng lực và tính liêm chính của hệ thống Tòa án.

Phạm vi nghiên cứu về TTHC tư pháp được Nhóm nghiên cứu căn cứ theo nội dung khái niệm “hành chính tư pháp” mà hệ thống Tòa án nhân dân xác định tại thời điểm thực hiện nghiên cứu ở phạm vi toàn quốc, đó là: *“các quy trình, thủ tục mang tính chất hành chính hỗ trợ cho hoạt động xét xử tại Tòa án, giải quyết các yêu cầu của người dân trước và sau các phiên tòa xét xử và các hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Tòa án các cấp. Hoạt động này bao gồm việc tiếp dân; tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, hồ sơ kháng cáo, kháng nghị, hồ sơ do Viện Kiểm sát chuyển đến, đơn khiếu nại, công văn; phân công giải quyết vụ án; cấp sao lục bản án, quyết định của Tòa án; quản lý số lượng án đầu vào, đầu ra, án tồn; bố trí hội trường xét xử và thủ tục quản lý, trao đổi thông tin phục vụ cho sự chỉ đạo, quản lý các lĩnh vực công tác của lãnh đạo Tòa án các cấp”*⁸. *“Việc cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào một số nội dung như: chuẩn hoá quy trình xử lý công việc gắn với việc ứng dụng công nghệ thông tin; thành lập bộ phận hành chính tư pháp tại các Tòa án; tách bạch giữa quản lý hành chính và hoạt động xét xử; xây dựng quy trình phân công án ngẫu nhiên cho các Thẩm phán...”*⁹. Ở các Tòa án nhân dân cấp cao, nhiệm vụ quyền hạn của phòng Hành chính tư pháp có xu hướng rộng hơn khái niệm hành chính tư pháp này theo các quyết định về tổ chức bộ

⁷ Chỉ thị số 01/2020/CT-CA ngày 09/01/2020 về việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các Tòa án.

⁸ Trương Hòa Bình (2013), *Một số nội dung về đổi mới thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án nhân dân*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 01/2013, trang 1-6

⁹ Tòa án nhân dân tối cao (14/01/2019), *Báo cáo tóm tắt công tác Tòa án từ đầu nhiệm kỳ tới nay và năm 2018, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới*

máy, nhiệm vụ, quyền hạn các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp cao¹⁰.

Đối với khái niệm “liêm chính của Tòa án”, Nhóm nghiên cứu nhận thấy đây là một khái niệm rộng. Bộ Nguyên tắc Bangalore về đạo đức tư pháp xác định “liêm chính” là 01 (một) trong 06 (sáu) nguyên tắc về đạo đức tư pháp. Theo đó, “liêm chính” được hiểu như sau: *“Liêm chính là thuộc tính của sự ngay thẳng và chính trực. Các thành phần của liêm chính bao gồm sự trung thực và đạo đức tư pháp. Không chỉ trong quá trình thực thi công vụ, một thẩm phán phải luôn luôn cư xử một cách đáng kính trọng, xứng đáng với chức danh tư pháp; không lừa gạt, gian dối; có tính cách và đạo đức tốt thể hiện qua cách cư xử. Liêm chính là tuyệt đối và không chia theo các mức độ. Trong ngành tư pháp, liêm chính không chỉ là một đức tính tốt mà phải được coi là một điều thiết yếu.”*¹¹

Ở Việt Nam, “liêm chính của Tòa án” có thể được giải thích theo tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nghề Thẩm phán nói riêng và hoạt động tư pháp nói chung là phải “Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” và “Gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”¹². Dựa trên tư tưởng này, “Sự liêm chính” của Thẩm phán được định nghĩa trong Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán như sau:

- “1. Thẩm phán phải liêm chính, trong sạch, thẳng thắn, trung thực;*
- 2. Thẩm phán không được lợi dụng địa vị để mưu cầu lợi ích cho mình hoặc cho người khác; không để các thành viên trong gia đình, cán bộ, công chức Tòa án dưới quyền quản lý của mình đòi hỏi hoặc nhận tiền, tài sản, những lợi ích khác từ bất kỳ ai vì lý do liên quan đến công việc mà Thẩm phán giải quyết;*
- 3. Thẩm phán phải công khai thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật.”*¹³

Theo các giải thích về “hành chính tư pháp”, “sự liêm chính” của Thẩm phán nói riêng và hệ thống Tòa án nhân dân nói chung nêu trên, Nghiên cứu cũng dựa trên kinh nghiệm quốc tế theo tài liệu về Hướng dẫn tăng cường năng lực và liêm chính tư pháp của Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hiệp quốc (UNODC)¹⁴ để xác định 04 (bốn) nhóm TTHC tư pháp cần được tập trung nghiên cứu, như sau:

¹⁰ Nguyễn Hải Bằng - Thẩm phán trung cấp – Phó Chánh văn phòng TANDCC Hà Nội, *Một số ý kiến bình luận về báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Tòa án”*, Tài liệu hội thảo Tham vấn ý kiến dự thảo báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Tòa án”, 23/07/2020, trang 5.

¹¹ UNODC (2007), *Bình luận về Bộ Nguyên tắc Bangalore về đạo đức tư pháp*, trang 79

¹² Thư gửi Hội nghị Tư pháp toàn quốc tháng 2 năm 1948, Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, trang 52.

¹³ Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán 2018, Điều 4.

¹⁴ Xem thêm *Hướng dẫn tăng cường năng lực và liêm chính tư pháp* của UNODC (2011).

- (i) Thủ tục tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án (bao gồm cả hoạt động hòa giải của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án);
- (ii) Phân công Thẩm phán tại Tòa án;
- (iii) Quản lý thời gian giải quyết vụ án (bao gồm cả thủ tục công khai quy trình giải quyết vụ án; áp dụng thủ tục rút gọn; giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; hoãn phiên tòa); và
- (iv) Cấp trích lục, giao, gửi bản án và công khai bản án.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Báo cáo “*Những thực tiễn tốt về thực hiện các thủ tục hành chính tư pháp nhằm tăng cường tính liêm chính của Tòa án*” được thực hiện dựa trên những tài liệu, báo cáo, quy định pháp luật của hệ thống Tòa án nhân dân và các cơ quan liên quan và kết hợp với nghiên cứu định tính thông qua công tác khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu trực tiếp 18 (mười tám) Thẩm phán và cán bộ Tòa án tại 07 (bảy) Tòa án các cấp, bao gồm:

- 03 (ba) TAND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: TAND Thành phố Hồ Chí Minh, TAND tỉnh Bình Dương, TAND Thành phố Hải Phòng;
- 03 (ba) TAND quận, thành phố thuộc tỉnh: TAND Quận 5 - thành phố Hồ Chí Minh, TAND Thành phố Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương, TAND Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng;
- 01 (một) TAND cấp cao: TAND cấp cao tại Thành phố Hà Nội.

Việc chọn các Tòa án này để khảo sát không phải là một quá trình lựa chọn, đánh giá về chất lượng giải quyết công việc của Tòa án mà việc lựa chọn dựa trên các tiêu chí sau: (i) Tòa án cấp tỉnh thuộc các địa phương có nhiều vụ tranh chấp về kinh doanh thương mại và/hoặc là nơi có tốc độ phát kinh tế cao ở Việt Nam (TAND Tp. Hồ Chí Minh, TAND Tp. Hải Phòng và TAND Bình Dương); (ii) Tòa án cấp huyện là những nơi có sự phát triển đa dạng về vụ án kinh doanh thương mại hoặc phát triển về kinh tế của tỉnh (TAND Quận 5, TAND Tp. Thủ Dầu Một, TAND quận Hồng); (iii) Tòa án có tham gia hoạt động thí điểm về hoà giải, đối thoại (TAND Tp. Hồ Chí Minh, TAND Tp. Hải Phòng, TAND tỉnh Bình Dương, TAND quận Hồng Bàng, TAND Tp. Thủ Dầu Một); (iv) Tòa án có thực hiện thí điểm tiếp nhận đơn khởi kiện qua phương tiện điện tử (TAND cấp cao tại Hà Nội, TAND Tp. Hải Phòng).

Cùng với việc phỏng vấn Thẩm phán và cán bộ Tòa án, Nhóm nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sâu trực tiếp 16 (mười sáu) doanh nghiệp và luật sư đã có trải nghiệm

về giải quyết tranh chấp tại Tòa án (luật sư tranh tụng) vào giai đoạn nghiên cứu (cuối năm 2018 và đầu năm 2019) ở các địa phương tiến hành khảo sát và một số địa phương khác để có được thông tin đa dạng, nhiều chiều. Các trải nghiệm về thực hiện TTHC tư pháp của doanh nghiệp và luật sư tranh tụng đem lại những thông tin nhiều chiều để phản ánh về chất lượng và ý nghĩa của công cuộc cải cách hành chính tư pháp của hệ thống Tòa án nhân dân. Để bảo đảm tính khách quan của nghiên cứu và bảo vệ các nguồn tin, Báo cáo sẽ không nêu cụ thể tên hoặc địa phương có những quan điểm cá nhân hay tập thể được phỏng vấn. Để phỏng vấn được thống nhất, Nhóm nghiên cứu đã chuẩn bị 02 (hai) bảng hỏi, bao gồm: 01 (một) bảng hỏi dành cho Thẩm phán và 01 (một) bảng hỏi dành cho doanh nghiệp và luật sư tranh tụng (xem chi tiết tại Phụ lục III và Phụ lục IV).

Nhóm nghiên cứu còn thực hiện khảo sát bằng phương pháp quan sát thực tế tại nơi khảo sát. Những nội dung nghiên cứu được quan sát gồm: nơi hoạt động của bộ phận hành chính tư pháp, các bảng thông tin về quy trình tố tụng mà người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận, các kiosk điện tử về TTHC tư pháp, bảng phân công án... Phương pháp quan sát giúp cho việc thu thập được thông tin về thực tế người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC tư pháp đang diễn ra

PHẦN II – KHUNG PHÁP LÝ VÀ NHỮNG THỰC TIỄN TỐT TRONG VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN

2.1. Tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án

Theo quy định của BLTTDS 2015, nộp đơn khởi kiện là bước đầu tiên để người dân, doanh nghiệp tiếp cận với hoạt động xét xử của Tòa án nhằm tìm kiếm công lý. BLTTDS 2015 đã có những thay đổi nhất định so với BLTTDS trước đây nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp trong việc nộp đơn khởi kiện, đặc biệt ở việc cho phép gửi đơn khởi kiện trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)¹⁵. Trên cơ sở quy định mới của BLTTDS 2015, TANDTC đã có hướng dẫn áp dụng những quy định mới của BLTTDS 2015 và Hội đồng Thẩm phán TANDTC cũng đã ban hành một nghị quyết liên quan đến việc gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử¹⁶. Mặc dù đã có cơ sở pháp lý, nhưng trên thực tế cho tới tận tháng 10/2018, việc tiếp nhận đơn bằng phương thức điện tử mới được chính thức triển khai ở quy mô hẹp (*xem thêm thông tin tại mục 2.1.3 dưới đây*).

Một số nghiên cứu trước và sau khi áp dụng BLTTDS 2015 đã chỉ ra khâu tiếp nhận đơn khởi kiện theo phương thức trực tiếp là khâu dễ nảy sinh các vấn đề tiêu cực trong hoạt động công vụ của cán bộ Tòa án¹⁷. Theo nghiên cứu của Ban Nội chính trung ương, thực tiễn cho thấy có tình trạng đơn khởi kiện được nộp nhưng không được cấp giấy xác nhận Tòa án đã nhận đơn sẽ khiến cho người nộp đơn gặp khó khăn trong việc xác định thời hiệu khởi kiện cũng như bảo đảm sự toàn vẹn của hồ sơ khởi kiện; hoặc, người tiếp nhận đơn không giải thích hoặc giải thích không rõ ràng về những vấn đề cần bổ sung, chỉnh sửa đối với đơn, chứng cứ liên quan trong hồ sơ khởi kiện dẫn đến người nộp đơn phải đi lại nhiều lần... Thậm chí, người tiếp nhận đơn kéo dài thời gian xem xét, đe dọa, ép buộc hoặc dùng thủ thuật khác để người khởi kiện phải đưa hối lộ để đơn được tiếp nhận, vụ án được thụ lý¹⁸. Ngoài ra, có

¹⁵ BLTTDS 2015, Điều 190

¹⁶ Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP

¹⁷ Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Đề án thực trạng và giải pháp phòng, chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp của Tòa án*, trang 8; UNDP (2014), *sđd*, trang 18-19; UNDP_VCCI (2017), *sđd*, trang 27-28; Ban Nội chính Trung ương (2017), *Báo cáo nghiên cứu hoàn thiện thể chế pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động tư pháp nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh ở Việt Nam*, trang 8

¹⁸ Ban Nội chính Trung ương (2017), *sđd*, trang 8-9

tình trạng Tòa án chỉ tiếp nhận đơn khởi kiện vào một ngày nhất định dẫn đến quyền và lợi ích của người dân và doanh nghiệp không được bảo đảm¹⁹.

Trước những hạn chế nêu trên, nhiều Tòa án đã thực hiện những giải pháp để cải cách thủ tục tiếp nhận đơn khởi kiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại khâu này, trong đó bao gồm việc thành lập Bộ phận hành chính tư pháp²⁰. Học tập từ mô hình hành chính “một cửa” của các cơ quan hành chính, Bộ phận hành chính tư pháp tại các Tòa án được thành lập với 02 (hai) đặc điểm chính: (i) quy trình làm việc được chuẩn hóa; (ii) trách nhiệm của cán bộ tiếp nhận đơn khởi kiện được quy định rõ. Mô hình bộ phận hành chính tư pháp được nhận xét có những ưu điểm như quy trình làm việc rõ ràng, được công khai, minh bạch; giúp tăng cường sự kiểm soát của người dân và lãnh đạo Tòa án về chất lượng giải quyết công việc; giảm thiểu chi phí tuân thủ cho cả người dân và cán bộ Tòa án²¹. Do mỗi Tòa án có những cách thức tổ chức vận hành khâu tiếp nhận đơn khác nhau nên dẫn đến sự chưa thống nhất giữa các địa phương về mô hình tiếp nhận đơn khởi kiện. Đây là một vấn đề khác biệt với hệ thống hành chính “một cửa” của các cơ quan hành chính đang được tổ chức thống nhất trên toàn quốc²².

Phần dưới đây sẽ phân tích khung pháp lý và thực tiễn về tiếp nhận đơn khởi kiện trực tiếp tại các TAND huyện, TAND tỉnh, và TANDCC cũng như cơ chế tiếp nhận đơn qua phương thức trực tuyến hiện đang được thí điểm tại một số địa phương. Đồng thời, phân tích cũng sẽ đề cập tới việc áp dụng thí điểm cơ chế hoà giải, đối thoại trước khi Tòa án thụ lý vụ án.

¹⁹ Lưu Thị Dung (2017), *Tòa án nhận đơn kiện vào các ngày chẵn lẻ: Có đúng quy định của pháp luật?*, Báo Pháp luật Việt Nam, <http://www.phapluatplus.vn/toa-an-nhan-don-kien-va-o-cac-ngay-chan-le-co-dung-quy-dinh-cua-phap-luat-d34290.html>

²⁰ Theo khảo sát của Nhóm nghiên cứu, có Tòa án đặt tên bộ phận “một cửa” về hành chính tư pháp là “Tổ hành chính tư pháp”, có Tòa án thì gọi là Bộ phận hành chính tư pháp, có nơi thì gọi là Bộ phận “một cửa”. Trong Báo cáo này, chúng tôi sẽ thống nhất sử dụng thuật ngữ chung là “Bộ phận hành chính tư pháp”.

²¹ Thu Hằng (2018), *Đẩy mạnh đổi mới, cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <http://dangcongsan.vn/phap-luat/day-manh-doi-moi-cai-cach-thu-tuchanh-chinh-tu-phap-tai-toa-an-377786.html>

²² Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, ngày 22/06/2007.

2.1.1. Cơ chế tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án cấp huyện

2.1.1.a. Bộ phận hành chính tư pháp chuyên trách việc tiếp nhận đơn khởi kiện

Mô hình Bộ phận hành chính tư pháp (“một cửa”) đã được áp dụng thí điểm tại 03 (ba) TAND cấp tỉnh ở 03 (ba) địa phương: Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế và Hưng Yên. Ở những địa phương này, một số TAND cấp huyện cũng đã áp dụng mô hình Bộ phận hành chính tư pháp, như Tòa án nhân dân thành phố Huế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thuộc tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, hệ thống Tòa án nhân dân cũng đã áp dụng thí điểm một số mô hình Bộ phận hành chính tư pháp tại một số địa phương khác với các mô hình khác nhau²³. Kể từ năm 2016, Lãnh đạo TANDTC đã có chỉ thị về “*đổi mới thủ tục hành chính tư pháp trong hoạt động của Tòa án các cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi có công việc tại Tòa án*”, đặt ra mục tiêu tổ chức bộ máy hành chính tư pháp “một cửa” trên toàn quốc²⁴. Nhiều Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện đã xây dựng các mô hình bộ máy hành chính tư pháp khác nhau cho phù hợp với đặc điểm riêng tổ chức cán bộ cũng như mục tiêu quản lý tại đơn vị. Các Tòa án được khảo sát trong Nghiên cứu này đều đã thành lập Bộ phận hành chính tư pháp trực thuộc bộ phận Văn phòng của Tòa án để tiếp nhận đơn khởi kiện theo đúng quy định tại Quyết định số 345/2016/QĐ-CA. Bộ phận hành chính tư pháp tại các Tòa án này đều có nhiệm vụ hướng dẫn người dân nộp đơn khởi kiện, tiếp nhận đơn khởi kiện, nghiên cứu, xử lý đơn khởi kiện, đồng thời thực hiện những công việc khác theo quy định của từng địa phương.

Tại TAND Quận 5 của Thành phố Hồ Chí Minh (**TAND Quận 5**),

Hộp 1: Mô hình “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính hiện nay

1. Cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính là phương thức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều này.
2. Cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 3 Điều này.
3. Bộ phận Một cửa là tên gọi chung của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

²³ UNDP (2014), sđd, trang 15-17

²⁴ Chỉ thị 03/2016/CT-CA

thông tin của đơn khởi kiện sẽ được Bộ phận hành chính tư pháp nhập vào một phần mềm quản lý vụ việc. Phần mềm sẽ cấp mã vạch cho từng đơn để thuận tiện cho việc theo dõi (tracking) bằng thiết bị tin học. Mã vạch này được in tại Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện và sẽ theo suốt hồ sơ trong quá trình tố tụng. Hệ thống phần mềm cùng các thiết bị đọc mã vạch của TAND Quận 5 được TAND Tp. Hồ Chí Minh trang bị. Chỉ có đương sự, cán bộ Tòa án, kiểm sát viên mới có thể tra cứu được thông tin của vụ việc. So với các cách thức quản lý vụ án ở các Tòa án khác, phương pháp và thiết bị tin học của các Tòa án tại Tp. Hồ Chí Minh đã giúp cho việc quản lý vụ án của nội bộ Tòa án được hiệu quả hơn và tiết kiệm thời gian. Đối với đương sự hay luật sư, tra cứu bằng phương thức điện tử có thể giúp cho họ có thể nắm bắt nhanh được tình trạng thụ lý, giải quyết đơn khi mà họ chưa thể tiếp xúc được với Thẩm phán, thư ký toà theo dõi vụ việc. Tuy nhiên, để tiếp cận được thông tin này thì đương sự, luật sư vẫn phải tới trụ sở của Tòa án (để sử dụng các thiết bị đọc mã vạch được trang bị tại Tòa án) mà chưa thể tra cứu trực tuyến. TAND Quận 5 không tham gia Dự án thí điểm về hoà giải, đối thoại tại Tòa án tại thời điểm thực hiện Nghiên cứu này nên không có quy trình xử lý đơn khởi kiện vụ án dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hành chính theo thủ tục hoà giải, đối thoại.

Khác với TAND Quận 5, TAND Thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương (**TAND Tp. Thủ Dầu Một**) và TAND Quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng (**TAND Quận Hồng Bàng**) đã thành lập Trung tâm hoà giải, đối thoại theo Dự án thí điểm về hoà giải, đối thoại tại Tòa án. Do đó, trước khi tiếp nhận đơn khởi kiện, Bộ phận hành chính tư pháp của 02 (hai) Tòa án này sẽ tìm hiểu ý chí của các bên về việc hòa giải tranh chấp. Nếu người nộp đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thì Tòa án sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục xem xét để thụ lý vụ việc. Trong trường hợp vụ án có thể tiến hành hoà giải, Bộ phận hành chính tư pháp sẽ chuyển vụ án sang Trung tâm

hoà giải, đối thoại tại Tòa án để tiến hành hòa giải. Trong trường hợp hoà giải thành, người khởi kiện sẽ rút đơn khởi kiện hoặc yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hoà giải thành. Trong trường hợp hoà giải không thành, vụ việc sẽ được Tòa án thụ lý thông

Hộp 2: Ý kiến về Bộ phận hành chính tư pháp tại Tòa án

Một số luật sư cho biết mô hình Bộ phận hành chính tư pháp hiện nay tại các Tòa án là hữu ích cho các đương sự khi cần nộp đơn tới Tòa án, trích sao bản án, hay thực hiện các công việc hành chính tư pháp khác. Một số luật sư cũng cho biết hiện nay quy trình tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án cần phải được cải thiện hơn nữa để có thể rút ngắn thời gian thụ lý vụ án ngay cả khi các Tòa án đã thành lập Bộ phận hành chính tư pháp. Ví dụ như: việc nộp án phí cần tạo điều kiện để đương sự có thể chuyển khoản trực tiếp cho Tòa án thay vì phải nộp qua Cơ quan thi hành án và Kho bạc Nhà nước như hiện nay; Tòa án không nên yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh địa chỉ của bị đơn hay chứng minh bị đơn còn đang hoạt động (trong trường hợp bị đơn là doanh nghiệp)...

qua Bộ phận hành chính tư pháp và tiến hành thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS 2015.

Hiện nay, việc quản lý vụ án ở TAND Quận 5, TAND Tp. Thủ Dầu Một và TAND Quận Hồng Bàng được mô tả tương tự như nhiều Toà án khác trên toàn quốc có tổ chức Bộ phận hành chính tư pháp. Theo mô hình này, đơn kiện sẽ được cán bộ toà án của Bộ phận hành chính tư pháp tiếp nhận, ghi thông tin vào Sổ tiếp nhận và chuyển tới Thẩm phán hoặc lãnh đạo Toà án để xem xét thụ lý. Thời gian tiếp nhận và xem xét thụ lý được quy định tại BLTTDS 2015. Tại các Toà án này, đương sự đều được cấp giấy biên nhận kèm thông tin hẹn thời gian trả lời đơn. Đến thời gian hẹn, đương sự sẽ

Hộp 3: Ý kiến của doanh nghiệp về hoạt động tiếp nhận đơn tại Tòa án

Công ty X nộp đơn khởi kiện tại một Tòa án quận của Tp. H. vào thứ Hai. Tuy nhiên cán bộ tiếp nhận đơn từ chối nhận đơn vì ngày hôm đó không phải ngày tiếp nhận đơn (Tòa án đó quy định ngày tiếp nhận đơn là thứ 3 và thứ 5) và yêu cầu Công ty X quay lại vào đúng ngày tiếp nhận đơn.

Tuy nhiên, khi Công ty X nộp đơn tại TAND Tp. N của tỉnh N., đơn khởi kiện của Công ty X đã được tiếp nhận nhanh chóng do TAND Tp. N. quy định cán bộ Tòa án phải tiếp nhận đơn khởi kiện tất cả các ngày làm việc trong tuần.

được thông báo về tình trạng đơn kiện có được chấp nhận để thụ lý hay cần phải bổ sung thêm hồ sơ. Tại TAND Tp. Thủ Dầu Một, nhiều đơn kiện được xem xét ngay để trả lời đương sự nếu vụ án không quá phức tạp hoặc nhà đương sự ở quá xa trụ sở của Toà án. Để có thể thực hiện được việc này, TAND Tp. Thủ Dầu Một luôn phải bố trí thường trực Thẩm phán tham gia vào công tác của Bộ phận hành chính tư pháp. Còn ở các Toà án khác, đơn kiện sẽ được Bộ phận hành chính tư pháp nhập dữ liệu vào hệ thống thông tin hoặc Sổ quản lý vụ án và báo cáo lãnh đạo Toà án để xem xét quyết định việc thụ lý. Sau khi vụ án đủ điều kiện thụ lý, vụ án sẽ được báo cáo lãnh đạo để phân công Thẩm phán giải quyết vụ án.

Khi đơn khởi kiện được thụ lý thì các thông tin của đơn sẽ được ghi vào Sổ Thụ lý. Bắt đầu kể từ thời điểm thụ lý, thời gian giải quyết vụ việc được theo dõi và quản lý theo các quy định của BLTTDS 2015. Cả 03 (ba) Toà án cấp huyện trong phạm vi khảo sát đều áp dụng việc quản lý tiến trình giải quyết vụ việc thông qua các phần mềm Excel, cơ chế báo cáo hàng tuần và hệ thống sổ quản lý vụ án. Bộ phận hành chính tư pháp vẫn là đầu mối tìm hiểu thông tin về diễn biến giải quyết vụ việc và cũng là đầu mối tổng hợp thông tin tình hình giải quyết vụ việc để báo cáo lãnh đạo Toà án.

Các Toà án cấp huyện trong phạm vi khảo sát chưa có trang thông tin điện tử riêng của Toà án mình để người dân, doanh nghiệp có thể tìm hiểu được thông tin trực tuyến. Các thông tin về biểu mẫu tố tụng, hướng dẫn về quy trình tố tụng... được giới

thiệt trên trang thông tin điện tử của TAND tỉnh đó. Tại trụ sở của các Tòa án có niêm yết các thông tin trên bảng thông tin tại nơi ra vào. Tuy nhiên, có nơi bảng thông tin không được cập nhật các thông tin về lịch biểu xét xử; hướng dẫn về quy trình tố tụng chủ yếu sao chép lại các quy định của BLTTDS 2015. Một số biểu mẫu bị cũ, bản mặc dù nội dung vẫn có giá trị về thông tin pháp lý nhưng không tạo được cảm giác tin tưởng cho người đọc. Một số Tòa án có tổ chức mô hình “một cửa” với các “cửa sổ” làm việc theo từng loại công việc khá thuận tiện cho người dân tới nộp đơn khởi kiện, tra cứu thông tin, trích sao bản án (như TAND Tp. Thủ Dầu Một). Tuy nhiên, vẫn còn có Tòa án bố trí Bộ phận hành chính tư pháp ở trên tầng cao, khó khăn cho những người tới làm việc là người già, người khuyết tật vì không có lối đi thuận tiện. Có Tòa án chỉ bố trí 01 (một) hoặc 02 (hai) người làm việc không thường xuyên tại vị trí của Bộ phận hành chính tư pháp nên người dân, doanh nghiệp vẫn phải tìm hiểu thông tin thông qua các bộ phận khác của Tòa án hoặc phải tìm gặp trực tiếp Thẩm phán hoặc thư ký tòa án tại phòng riêng. Có ý kiến cho rằng thực tiễn này “tạo cơ hội tiêu cực”²⁵ hoặc làm khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Lý giải cho lý do không có cán bộ Tòa án ngồi làm việc thường xuyên tại Bộ phận hành chính tư pháp hoặc Tòa án phải bố trí nhận đơn khởi kiện vào một số ngày trong tuần, có Thẩm phán lý giải rằng do biên chế của Tòa án thiếu thư ký, cán bộ. Nếu bố trí thư ký, cán bộ ngồi làm việc thường xuyên tại Bộ phận hành chính tư pháp thì lại không đủ thư ký, cán bộ làm các công việc của hoạt động tố tụng.

2.1.1.b. Hoạt động hoà giải, đối thoại thí điểm trong giai đoạn tiếp nhận đơn khởi kiện

Tại những Tòa án có tham gia vào Dự án thí điểm hoạt động hoà giải, đối thoại tại Tòa án, sau khi tiếp nhận những đơn khởi kiện được chuyển tới, Bộ phận tiếp nhận đơn hoặc Bộ phận hành chính tư pháp của Tòa án sẽ giới thiệu cho đương sự về vai trò và lợi ích nếu vụ việc tranh chấp được giải quyết bằng hoà giải do Trung tâm hoà giải, đối thoại thực hiện. Nếu đương sự đồng ý, hồ sơ vụ án sẽ được chuyển sang Trung tâm hoà giải, đối thoại để thực hiện việc hoà giải. Khi chuyển hồ sơ sang Trung tâm hoà giải, đối thoại, Bộ phận hành chính tư pháp vẫn ghi nhận thông tin là hồ sơ đã được Tòa án tiếp nhận để hoà giải mà không phải là giải quyết theo các quy định của BLTTDS. Do đó, các quy định về thời hiệu của tranh chấp chưa áp dụng trong giai đoạn này.

Giám đốc Trung tâm hoà giải, đối thoại (là Chánh án hoặc Phó Chánh án của Tòa án) sẽ phân công một hòa giải viên xem xét, tiến hành hòa giải. Sau đó, hòa giải viên sẽ

²⁵ Ban Nội chính Trung ương (2017), sđd, trang 9

lập hồ sơ, nghiên cứu vụ việc, xây dựng kế hoạch hòa giải và mời các đương sự tham gia phiên hòa giải, đối thoại²⁶. Trong trường hợp hòa giải thành, đương sự sẽ rút đơn khởi kiện hoặc yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Trường hợp hòa giải không thành, vụ án sẽ được chuyển lại cho Tòa án và xét xử theo đúng quy định của BLTTDS 2015.

Bên cạnh những hiệu quả từ việc thành lập Bộ phận hành chính tư pháp mang lại, hoạt động hòa giải tại Trung tâm hoà giải, đối thoại cũng được nhận định mang lại rất nhiều lợi ích cho người dân và Tòa án tại Hải Phòng. Qua khảo sát, Nhóm nghiên cứu nhận thấy TAND Quận Hồng Bàng là một trong những điển hình tốt trong hoạt động của Trung tâm hoà giải, đối thoại với tỷ lệ hòa giải thành của Trung tâm hoà giải, đối thoại hiện đang cao nhất cả nước (85,5%). Thẩm phán TAND Quận Hồng Bàng cho rằng việc hòa giải tại Trung tâm hoà giải, đối thoại làm giảm áp lực cho Thẩm phán, tiết kiệm chi phí cho người dân. Qua việc sơ kết thí điểm hoạt động hòa giải, đối thoại tại TAND tỉnh Bình Dương, TAND Tp. Thủ Dầu Một cũng được ghi nhận là một trong những thực tiễn tốt trong đợt thí điểm này tại tỉnh Bình Dương với số lượng vụ việc được giải quyết cao (550/568 vụ việc tương đương với 96,8%), tỷ lệ hòa giải, đối thoại thành là 95,3%²⁷.

Tuy nhiên, cũng có quan điểm từ các Thẩm phán, luật sư ở những địa phương mới thí điểm thành lập Trung tâm hoà giải, đối thoại cho rằng mô hình Trung tâm hoà giải, đối thoại tại Toà án hiện nay chưa giảm áp lực khối lượng công việc cho Toà án khi mà tranh chấp dù có được hoà giải thành thì cũng sẽ lại trở thành một vụ việc dân sự vì Thẩm phán cũng vẫn phải xem xét lại biên bản hoà giải thành để công nhận hiệu lực theo các yêu cầu về điều kiện công nhận, như: các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba²⁸. Chưa kể đến, mặc dù tranh chấp được chuyển sang Trung tâm hoà giải, đối thoại để giải quyết nhưng lãnh đạo Toà án vẫn phân công Thẩm phán theo dõi, hỗ trợ Hoà giải viên. Thậm chí, Thẩm phán vẫn phải tham gia hoà giải với Hoà giải viên để bảo đảm quy trình hoà giải được thực hiện đúng với yêu cầu của TANDTC đề ra, không có tình trạng móc nối cho tham

²⁶ Xem thêm ThS. Tạ Đình Tuyên (2018), *Thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/thi-diem-ve-doi-moi-tang-cuong-hoa-giai-doi-thoai-trong-giai-quyet-cac-tranh-chap-dan-su-khieu-kiem-hanh-chinh-va-mot-so-kiem-nghi>

²⁷ TAND tỉnh Bình Dương tổ chức sơ kết thí điểm về đổi mới tăng cường hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Chi tiết xem tại đường link:

<https://binhduong.toaan.gov.vn/webcenter/portal/binhduong/chitiettin?dDocName=TAND065858>

²⁸ Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Điều 417.

những hoặc sai sót về nghiệp vụ... Thực tiễn này đang gây ra lo lắng về tính bảo mật và độc lập của quá trình hoà giải với quá trình tố tụng. Các luật sư được phỏng vấn cho biết, mặc dù Toà án có thông báo là toàn bộ thông tin, lời trình bày trong quá trình hoà giải không được sử dụng trong quá trình giải quyết tố tụng sau này nhưng các luật sư vẫn e ngại vì khả năng giữ kín bí mật và độc lập trong hoạt động thực tiễn hoạt động tại Toà án.

Có luật sư cho biết là thủ tục hoà giải tại Toà án hiện nay cũng làm cho thời gian giải quyết tranh chấp bị kéo dài hơn. Nhiều vụ việc tranh chấp kinh doanh thương mại thường đã được thương lượng thiện chí trước khi vụ tranh chấp được mang tới Toà án. Do đó, nếu lại tiếp tục quá trình thương lượng và hoà giải tại Toà án thì sẽ làm cho việc tranh chấp bị kéo dài. Mặc dù thời hạn hoà giải được Hoà giải viên hoặc cán bộ hành chính tư pháp có giải thích là không quá 2 tháng²⁹, nhưng một số luật sư cho biết là không được phổ biến về quy trình và thời hạn hoà giải này.

Có ý kiến của luật sư và Thẩm phán cho rằng một số hoà giải viên tại các Toà án cấp huyện có năng lực về chuyên môn pháp lý cũng như kinh nghiệm hoà giải chưa được đồng đều như so với hoà giải viên tham gia hoà giải tại các Toà án cấp tỉnh. Các Toà án cấp huyện, đặc biệt là những Toà án cấp huyện ở khu vực ngoại thành, vùng sâu, vùng xa gặp khó khăn trong việc mời các Thẩm phán, cán bộ nhà nước về hưu hoặc luật sư có kinh nghiệm để tham gia hoạt động hoà giải tại Toà án mình³⁰.

Có luật sư e ngại về vai trò của Hoà giải viên vì có trường hợp Hoà giải viên từ chối sự tham gia của luật sư trong tiến trình hoà giải mà muốn làm việc trực tiếp với đương sự hoặc người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp. Hoặc, có trường hợp Hoà giải viên đã tư vấn cho đương sự là nên thay đổi luật sư hoặc để họ tư vấn cho vụ việc tranh chấp.

Một số luật sư cũng cho biết, để giảm thiểu những tác động bất lợi từ hoạt động hoà giải tại Toà án cho khách hàng của mình, họ đã tư vấn cho khách hàng đề nghị không tiến hành thủ tục hoà giải trước tố tụng khi nộp đơn khởi kiện tới Toà án. Có Thẩm phán cho biết có trường hợp luật sư từ chối quy trình hoà giải thí điểm và cho rằng

²⁹ Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11/10/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về nghiệp vụ hoà giải, đối thoại trong giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính áp dụng trong quá trình triển khai thí điểm tại 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa, Đồng Nai, Bình Dương và Long An.

³⁰ Một số nguyên nhân được thu thập trong quá trình khảo sát, như: không nhiều đối tượng đó tại địa bàn huyện, kinh phí chi trả cho một vụ hoà giải thấp,...

quan điểm và hành vi này của luật sư đã làm giảm đi tính hiệu quả của hoạt động hoà giải tại Toà án.

2.1.2. Cơ chế tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án cấp tỉnh

2.1.2.a. Bộ phận hành chính tư pháp chuyên trách việc tiếp nhận đơn khởi kiện

Tương tự như Bộ phận hành chính tư pháp chuyên trách việc tiếp nhận đơn khởi kiện ở TAND cấp huyện, hiện nay vẫn chưa có văn bản pháp luật quy định về điều kiện thành lập và quy chế hoạt động của Bộ phận hành chính tư pháp tại TAND tỉnh. Dựa trên chủ trương “đổi mới TTHC tư pháp”, mô hình Bộ phận hành chính tư pháp trên thực tế đang được triển khai tại nhiều địa phương như TAND Tp. Hồ Chí Minh, TAND tỉnh Quảng Bình, TAND tỉnh Thừa Thiên Huế, TAND tỉnh Vĩnh Long, TAND Tp. Hải Phòng, TAND tỉnh Bắc Ninh, TAND tỉnh Nam Định, TAND tỉnh Khánh Hòa, TAND tỉnh Hưng Yên³¹... Cho đến hiện nay, Toà án nhân dân tối cao chưa công bố về số lượng các toà án địa phương áp dụng mô hình Bộ phận hành chính tư pháp.

Theo nghiên cứu, TAND Tp. Hồ Chí Minh đã áp dụng và vận hành mô hình Bộ phận hành chính tư pháp (Bộ phận “một cửa”) có hiệu quả từ năm 1997 cho đến nay³². Vào năm 2016, TAND Tp. Hồ Chí Minh đã ban hành Quy trình Thực hiện cơ chế “Một cửa”, cơ chế “Một cửa liên thông”. Theo đó, Bộ phận hành chính tư pháp được chia thành các khu vực phụ trách 02 (hai) nhiệm vụ chính: tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; xử lý nghiệp vụ (bao gồm nhập dữ liệu vào phần mềm, cấp mã vạch cho vụ việc) tương tự như quy trình thực hiện ở TAND Quận 5³³. Ngoài việc được bố trí máy vi tính, máy photocopy, máy scan, phần mềm quản lý hành chính tư pháp phục vụ cho cán bộ, nhân viên, tại Bộ phận hành chính tư pháp còn có các máy lấy số tự động, kiosk điện tử tra cứu thông tin thủ tục giải quyết hành chính tư pháp, tra cứu kết quả giải quyết TTHC tư pháp để phục vụ người dân³⁴.

³¹ Nguyễn Hưng Quang_Dự án GIG (2018), *Báo cáo Nhu cầu của doanh nghiệp đối với hoạt động của Tòa án nhằm đảm bảo thực thi hợp đồng tại Việt Nam*, trang 11

³² Cẩm Vân (2013), *Nhân rộng mô hình “một cửa” tại Tòa án để tăng khả năng tiếp cận công lý cho người dân*, Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1583>

³³ Xem thêm Quy trình Thực hiện cơ chế “Một cửa”, cơ chế “Một cửa liên thông” của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, Mục A - Đơn khởi kiện,

<http://www.tand.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/quy-che-thuc-hien-cai-cach-hanh-chinh-tu-phap-voi-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong>

³⁴ Quy chế Thực hiện cải cách hành chính tư pháp với cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ngày 05/05/2016, Điều 8, khoản 3,

<http://www.tand.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/quy-che-thuc-hien-cai-cach-hanh-chinh-tu-phap-voi-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong>

Qua trao đổi với doanh nghiệp và luật sư đã có trải nghiệm tại TAND Tp. Hồ Chí Minh, Nhóm nghiên cứu đều nhận được những phản hồi tích cực, ghi nhận tính hiệu quả của việc tiếp nhận đơn do Bộ phận hành chính tư pháp TAND Tp. Hồ Chí Minh đảm nhiệm. Qua khảo sát so sánh mô hình Bộ phận hành chính tư pháp của các TAND cấp tỉnh, Nhóm nghiên cứu nhận thấy Bộ phận hành chính tư pháp của TAND Tp. Hồ Chí Minh hoạt động khá hiệu quả nhờ vào việc ứng dụng công nghệ thông tin và một quy trình xử lý công việc rõ ràng. Hoạt động này tiết kiệm được thời gian xử lý hồ sơ của Bộ phận hành chính tư pháp cũng như nâng cao chất lượng quản lý hồ sơ của Tòa án.

Khác với nhiều Tòa án ở các địa phương khác, TAND tỉnh Bình Dương đã chuẩn hóa toàn bộ quy trình các TTHC tư pháp theo quy định của BLTTDS 2004 trước đây và BLTTDS 2015 hiện nay theo phương pháp đánh giá ISO 9001:2000 từ năm 2008 và đã chuyển sang phương pháp đánh giá ISO 9001:2008 từ năm 2012³⁵. Trong năm 2016, nhằm cập nhật các quy định mới của BLTTDS 2015, TAND tỉnh Bình Dương đã ban hành các quy trình giải quyết vụ án trong các lĩnh vực (bao gồm quy trình giải quyết án kinh doanh thương mại sơ thẩm, quy trình giải quyết án kinh doanh thương mại phúc thẩm, quy trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã,...). Thông qua việc áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, quy trình làm việc tại TAND tỉnh Bình Dương được chuẩn hóa, minh bạch, quy định rõ trách nhiệm giải quyết công việc của cán bộ Tòa án, từ đó, giúp tiết kiệm chi phí tuân thủ cho cả người dân và cán bộ Tòa án. Người dân có thể dễ dàng giám sát quy trình giải quyết và lãnh đạo Tòa án có thể quản lý được số lượng vụ án đang được giải quyết, đồng thời đánh giá được chất lượng giải quyết công việc của cán bộ Tòa án.

TAND tỉnh Bình Dương đã sơ đồ hoá toàn bộ quy trình TTHC theo BLTTDS 2015 và niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án. Quy trình này được tập huấn, phổ biến cho các Thẩm phán với những yêu cầu cụ thể về thời hạn của từng bước, từng khâu. Hiện tại, TAND tỉnh Bình Dương áp dụng thí điểm mô hình hoà giải, đối thoại nên quy trình được bổ sung thêm bước giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải trước khi được Tòa án thụ lý. Để công tác tiếp nhận đơn và thụ lý được xử lý nhanh chóng, Bộ phận hành chính tư pháp của TAND tỉnh Bình Dương có 01 (một) Thẩm phán chịu trách nhiệm tham mưu cho tổ trưởng Bộ phận hành chính tư pháp thẩm định đơn khởi kiện để xác định đơn khởi kiện có đủ điều kiện tiến hành hoà giải để chuyển sang Trung

³⁵ Trang thông tin điện tử TAND tỉnh Bình Dương, <https://binhduong.toaan.gov.vn/webcenter/portal/binhduong/gioithieu?dDocName=TAND018807>

tâm hòa giải, đối thoại hay tiếp nhận thụ lý để giải quyết hoặc trả lại đơn do không đủ điều kiện.

Mô hình này giống với mô hình Bộ phận hành chính tư pháp của TAND tỉnh Vĩnh Long và TAND tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn áp dụng thí điểm 2010-2012. Bên cạnh đó, các phương pháp đánh giá, theo dõi của ISO 9001:2008 được áp dụng trong việc đánh giá, theo dõi việc thực hiện các TTHC tư pháp và thời hạn trong hoạt động xét xử. Kết quả, quy trình này giúp rút ngắn thời gian xử lý đơn khởi kiện từ 08 (tám) ngày làm việc theo quy định xuống còn 03 (ba) ngày làm việc. Tuy nhiên, phương pháp ISO mới chỉ được áp dụng tại TAND tỉnh Bình Dương, các Tòa án huyện chưa áp dụng được mô hình này do thường xuyên có biến động về nhân sự, thiếu lao động.

Mô hình Bộ phận hành chính tư pháp cũng đang được áp dụng ở TAND Tp. Hải Phòng nhưng với quy mô lớn hơn và tương đối giống với mô hình “một cửa” tại nhiều cơ quan hành chính nhà nước. Theo đó, Bộ phận hành chính tư pháp tại đây có 02 (hai) cửa (window): (i) cửa tiếp nhận văn thư, và (ii) cửa tiếp nhận đơn tố tụng. Bộ phận hành chính tư pháp được phân công thành 03 (ba) nhóm công tác: (i) nhóm chuyên trách vụ án hình sự (03 (ba) người phụ trách), (ii) nhóm chuyên trách vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính (03 (ba) người phụ trách), (iii) nhóm chuyên trách công tác thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin, văn thư (04 (bốn) người phụ trách). Để việc tiếp nhận đơn khởi kiện và giải quyết công việc thụ lý được hiệu quả, thành viên của Bộ phận hành chính tư pháp là các thư ký có trình độ chuyên môn của Tòa chuyên trách để có thể hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục.

Như đã từng khái quát, mô hình Bộ phận hành chính tư pháp đã được thí điểm triển khai gần 10 (mười) năm tại một số TAND địa phương, như TAND tỉnh Hưng Yên, Thừa Thiên – Huế, Vĩnh Long, Bắc Ninh. Đây là những TAND địa phương nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật từ các dự án hợp tác quốc tế³⁶. Thành công từ các hoạt động thí điểm đã giúp cho các Tòa án khác có thể cải tiến công tác tiếp nhận đơn khởi kiện; cải tiến công tác tiếp dân tại Tòa án; cải tiến công tác tiếp nhận thư từ và công văn của Tòa án; xây dựng hệ thống lưu trữ của Tòa án. Theo đánh giá của Dự án JUDGE, việc áp dụng cơ chế “một cửa” để phục vụ công dân đã giúp giảm thiểu chi phí tuân thủ của hệ thống Tòa án và người dân, như tại TAND tỉnh Hưng Yên với tỷ lệ giảm lần lượt là 62% và 51%, ở TAND tỉnh Thừa Thiên – Huế là 62% và 50%, tại TAND tỉnh Vĩnh Long là 63% và 50%³⁷.

³⁶ TAND tỉnh Hưng Yên, Thừa Thiên – Huế, Vĩnh Long được sự hỗ trợ của Dự án JUDGE do Chính phủ Canada tài trợ, TAND tỉnh Bắc Ninh được sự hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản

³⁷ Cẩm Vân (2013), sdd

2.1.2.b. Thực tiễn của hoà giải, đối thoại trong giai đoạn tiếp nhận đơn khởi kiện

Cả 03 (ba) TAND tỉnh trong phạm vi khảo sát (bao gồm TAND Tp. Hồ Chí Minh, TAND tỉnh Bình Dương và TAND Tp. Hải Phòng) đều được thí điểm thành lập Trung tâm hoà giải, đối thoại. Hoạt động hoà giải tại các Trung tâm này có điểm tương đồng với hoạt động của Trung tâm hoà giải, đối thoại tại các TAND huyện được nêu tại mục 2.1.1.b. Theo nhận xét của các Thẩm phán tại TAND Tp. Hải Phòng, TAND tỉnh Bình Dương và Tp. Hồ Chí Minh trong quá trình khảo sát, hoạt động của Trung tâm hoà giải, đối thoại đã giảm bớt áp lực công việc cho Thẩm phán, đồng thời giúp cho người dân tiết kiệm chi phí cho việc xét xử, rút ngắn thời gian giải quyết vụ án nếu hoà giải thành.

Thông tin từ khảo sát cũng như qua báo cáo của Chánh án TAND Tp. Hồ Chí Minh, hoạt động hoà giải tại thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn có những khó khăn như: chưa rõ về cách xử lý kết quả hoà giải thành để áp dụng thống nhất, một số biểu mẫu liên quan đến hoạt động hoà giải, đối thoại còn cần phải nghiên cứu để sửa đổi

Hộp 4: Thực tiễn tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án Tp. Hồ Chí Minh

Từ 01/11/2018 đến 15/03/2019, Trung tâm hòa giải, đối thoại của TAND Tp. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận 465 đơn khởi kiện, trong đó 166 vụ việc được giải quyết, 50 vụ việc được công nhận hòa giải, đối thoại thành (tỷ lệ hòa giải, đối thoại thành là 30,12%).

cho phù hợp với hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính. Thêm vào đó, có những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động của trung tâm hoà giải như kinh phí hoạt động chưa được hỗ trợ kịp thời; số lượng hoà giải viên, thư ký làm việc tại trung tâm không đáp ứng được yêu cầu; cơ sở vật chất của trung tâm còn hạn chế, chưa được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công việc như bàn làm việc, máy in, máy photo,...³⁸

Nhận xét của các luật sư đối với hoạt động hoà giải, đối thoại tại các Tòa án nhân dân cấp tỉnh được khảo sát cũng tương tự như đối với Tòa án nhân dân cấp huyện. Chỉ có 3 trong tổng số 16 luật sư và doanh nghiệp được phỏng vấn là có kinh nghiệm thực hiện hoà giải tại hai cấp toà án (cấp tỉnh và cấp huyện) và đánh giá cơ sở vật chất tại trung tâm hoà giải của toà án cấp tỉnh tốt hơn toà án cấp huyện. Tuy nhiên, các luật sư cũng vẫn tư vấn cho khách hàng không tiến hành thủ tục hoà giải trước tố tụng khi nộp đơn khởi kiện tới Tòa án vì e ngại thời gian giải quyết tranh chấp bị kéo dài và

³⁸ Th.s Ung Thị Xuân Hương (12/04/2019) – nguyên Chánh án TAND Tp. Hồ Chí Minh, *Tham luận góp ý Dự thảo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án*, Hội thảo quốc tế về Dự án Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

các lý do khác như đã nêu ở Mục 2.1.1.b. Thực tiễn của Hoà giải, đối thoại thí điểm trong giai đoạn tiếp nhận đơn khởi kiện.

2.1.3. Cơ chế tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án cấp cao

2.1.3.a. Bộ phận hành chính tư pháp

Khác với các TAND địa phương, TAND cấp cao tại Hà Nội (**TANDCC Hà Nội**) có nhiệm vụ (i) phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của TAND tỉnh thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, và (ii) giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND tỉnh, TAND huyện và tương đương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị³⁹. Trong phạm vi nghiên cứu, Nghiên cứu này chỉ đề cập đến hoạt động tiếp nhận đơn kháng cáo, kháng nghị của TANDCC Hà Nội. Kết quả khảo sát cho thấy TANDCC Hà Nội hiện đang tiếp nhận đơn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hoặc đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm qua Bộ phận tiếp nhận đơn kháng cáo, kháng nghị thuộc Phòng hành chính tư pháp (**Bộ phận tiếp nhận đơn**). Bộ phận tiếp nhận đơn này gồm 03 (ba) người, phụ trách việc tiếp nhận đơn kháng cáo, kháng nghị, thực hiện việc kiểm đếm bút lục, soạn thảo văn bản (ví dụ: văn bản áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời) trình lãnh đạo phê duyệt, tiếp nhận và trả kết quả các yêu cầu của đương sự về bản sao án, trích lục bản án.... Sau khi tiếp nhận đơn, Bộ phận tiếp nhận đơn nhập nội dung đơn vào phần mềm quản lý giải quyết vụ án và tiến hành các thủ tục theo quy định của BLTTDS 2015. Mục tiêu của việc thành lập Phòng hành chính tư pháp là nhằm giải quyết các công việc hành chính tư pháp liên quan đến vụ án để Thẩm phán có thể chuyên tâm xét xử.

Theo số liệu của TANDCC Hà Nội, từ khi thành lập 01/06/2015 đến tháng 3/2020, TANDCC Hà Nội đã tiếp nhận tổng cộng 39.462 đơn khiếu nại, qua phân loại xác định có 29.988 đơn trùng lặp, đơn không thuộc thẩm quyền hoặc chưa đủ điều kiện; đã thụ lý 9.474 vụ, việc để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Kết quả đã giải quyết được 8.355 vụ, việc trong đó: trả lời không có căn cứ kháng nghị 6.661 vụ/việc, kháng nghị 909 vụ/việc, giải quyết khiếu nại hoặc xử lý khác đối với 785 vụ/việc⁴⁰. Có thể thấy trung bình mỗi ngày TANDCC Hà Nội tiếp nhận khoảng 30 đơn khiếu nại các loại chưa kể các vụ/việc được các Tòa án cấp dưới chuyển lên theo thẩm quyền. Khối lượng công việc này là khá lớn. Qua phỏng vấn trực tiếp, cán bộ phụ trách hành chính tư pháp của TANDCC Hà Nội cho biết là để xử lý được khối lượng công việc nêu trên

³⁹ Luật TCTAND 2014, Điều 29

⁴⁰ Nguyễn Hải Bằng - Thẩm phán trung cấp – Phó Chánh văn phòng TANDCC Hà Nội, sdd, trang 6-7.

phải nhờ vào một quy trình giải quyết công việc hợp lý với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.

Tại TANDCC Hà Nội, thông tin về lịch xét xử được cập nhật trên phần mềm. Theo những người được phỏng vấn, thông tin về lịch xét xử trong tuần sẽ được cập nhật lên 2 (hai) màn hình tivi ở sảnh ra vào của Tòa án để người dân tiếp cận và được cập nhật trên website của TANDCC Hà Nội. Tại thời điểm khảo sát (cuối năm 2018), Nhóm nghiên cứu quan sát thấy tại sảnh tầng 1 của TANDCC Hà Nội có 2 màn hình tivi để cung cấp thông tin về lịch công tác và website của TANDCC Hà Nội có thông tin một số vụ án. Tuy nhiên, tại thời điểm Nghiên cứu này được hoàn thiện (tháng 7/2020), website của TANDCC Hà Nội vẫn chỉ có thông tin về lịch xét xử của 3 vụ án vào tháng 10/2018.

2.1.3.b. Thực tiễn của hoà giải, đối thoại tại Tòa án

Tại thời điểm khảo sát TANDCC Hà Nội (2018), TANDCC Hà Nội không thuộc Dự án thí điểm về hoà giải, đối thoại tại Tòa án nên không triển khai hoạt động hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

2.1.4. Nộp đơn bằng phương tiện điện tử/trực tuyến

BLTTDS 2015 và Luật Tố tụng hành chính 2015 đã có những quy định khung cho phép tiếp nhận đơn khởi kiện, chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử. Năm 2016, Hội đồng Thẩm phán của TANDTC cũng đã ban hành Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP để hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS 2015, Luật Tố tụng hành chính về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử.

Theo Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, để thực hiện việc nộp đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến, người nộp đơn về cơ bản phải đáp ứng được các điều kiện sau⁴¹:

- Có địa chỉ thư điện tử để gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử đến và đi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Có chữ ký điện tử được chứng thực bằng chứng thư điện tử đang còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, công nhận;

⁴¹ Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, Điều 5, Điều 16

- Đã đăng ký tài khoản giao dịch điện tử thành công theo Thủ tục đăng ký gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án⁴².

Trên cơ sở những điều kiện nêu trên, vào tháng 10/2018, TANDTC đã chính thức đưa vào vận hành thí điểm hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận đơn kiện qua phương tiện điện tử⁴³. Theo quy trình tiếp nhận đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến, sau khi nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án phải in ra bản giấy, ghi vào sổ nhận đơn và xử lý đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng. Tòa án gửi thông báo đã nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ cho người khởi kiện từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của người khởi kiện⁴⁴. Mô hình tiếp nhận đơn khởi kiện qua phương tiện điện tử được triển khai thí điểm tại TAND cấp cao tại Hà Nội, TAND Tp. Hà Nội, TAND Tp. Hải Phòng, TAND tỉnh Quảng Ninh⁴⁵.

Hộp 5: Mức độ về dịch vụ công trực tuyến

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1: là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.
- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

Điều 3, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP

Tuy nhiên cho đến khi thực hiện khảo sát (tháng 11 và tháng 12/2018), chỉ có duy nhất 01 (một) đơn khởi kiện được gửi bằng phương tiện điện tử tới TAND Tp. Hải Phòng nhưng đơn bị lỗi không tiếp nhận được do lỗi về chữ ký số; trong khi các Tòa án còn lại chưa tiếp nhận đơn khởi kiện nào được gửi bằng phương tiện điện tử. Tại thời điểm Nghiên cứu này được hoàn thiện (tháng 7/2020), chưa có bất kỳ một đơn

⁴² Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, Điều 12

⁴³ Vĩnh Hà (2018), *Từ tháng 11-2018, thí điểm nhận đơn kiện qua phương tiện điện tử*, Báo Tuổi trẻ, <https://tuoitre.vn/tu-thang-11-2018-thi-diem-nhan-don-kien-qua-phuong-tien-dien-tu-20181022113346795.htm>; Mai Đình (2018), *Lẽ ra mắt giao diện mới của Cổng thông tin điện tử TANDTC*, Báo Công lý, <http://congly.vn/hoat-dong-toa-an/cai-cach-tu-phap/le-ra-mat-giao-dien-moi-cua-cong-thong-tin-dien-tu-tandtc-273060.html>

⁴⁴ Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, Điều 17

⁴⁵ Huy Vũ (2018), *Hướng tới xây dựng Tòa án thông minh tại Việt Nam*, Cổng thông tin điện tử TANDTC, <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-tin?dDocName=TAND048331>

khởi kiện hoặc yêu cầu nhận văn bản tổng đạt bằng phương tiện điện tử của cá nhân, cơ quan, tổ chức gửi tới các TAND thực hiện thí điểm⁴⁶. Qua khảo sát các Tòa án và luật sư, phương thức gửi đơn khởi kiện, chứng cứ, tài liệu bằng phương tiện điện tử còn khó thực hiện do yêu cầu về chữ ký điện tử, một dịch vụ còn khá đắt đỏ và còn xa lạ đối với cá nhân công dân. Thủ tục và chi phí để có chữ ký điện tử hiện nay chỉ phù hợp với các doanh nghiệp - là những đối tượng thường xuyên phải thực hiện các TTHC cần đến chữ ký số (như thủ tục về thuế, thủ tục xuất nhập khẩu) mà không hợp lý đối với cá nhân công dân. Khảo sát website của TAND Tp. Hồ Chí Minh có phần tiếp nhận đơn khởi kiện trực tuyến nhưng hệ thống này không hoạt động tại thời điểm khảo sát (12/2018) và tại thời điểm hoàn thành Nghiên cứu này (07/2020).

Qua việc phỏng vấn luật sư nội bộ tại doanh nghiệp và luật sư độc lập về cách thức nộp đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến theo hướng dẫn tại Cổng thông tin điện tử TANDTC⁴⁷, các luật sư có nhận định chung rằng TANDTC đã có hướng dẫn khá đầy đủ từ thủ tục đăng ký tài khoản cho tới thủ tục nộp đơn khởi kiện hay thủ tục đăng ký nhận văn bản tổng đạt từ Tòa án. Tuy nhiên, trong phần hướng dẫn về *Thủ tục đăng ký tài khoản*, hiện chưa có hướng dẫn về thời hạn Tòa án sẽ tiếp nhận và xử lý đơn đăng ký để người nộp đơn nắm được thông tin. Bên cạnh đó, các hướng dẫn về *Thủ tục nộp đơn khởi kiện* còn chưa thực sự chi tiết, đòi hỏi người nộp đơn phải có hiểu biết nhất định về pháp luật tố tụng (ví dụ như việc xác định mối quan hệ pháp luật, xác định đương sự khác...). Theo hướng dẫn tại phần *Cập nhật tài liệu chứng cứ*, kích thước tài liệu tối đa có thể đăng tải lên chỉ là 2MB, do đó có thể gây hạn chế cho người nộp đơn khởi kiện khi nhiều tài liệu, chứng cứ quan trọng có dung lượng lớn hơn so với hạn mức đưa ra. Có luật sư cho biết hệ thống tiếp nhận đơn khởi kiện cần lưu ý những tình huống “nghẽn mạng” dẫn tới trường hợp đương sự không thể truy cập được để thực hiện thao tác gửi đơn; hoặc bộ phận tiếp nhận đơn không thể nhận, xử lý được dữ liệu như cách tiếp nhận thông tin, xử lý TTHC của một số bộ, ngành⁴⁸. Ngoài ra, việc thí điểm tiếp nhận đơn khởi kiện qua phương tiện điện

⁴⁶ Phan Thị Thu Hà – Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC, *Bình luận, góp ý về dự thảo báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Tòa án”*, Tài liệu hội thảo Tham vấn ý kiến dự thảo báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Tòa án”, 23/07/2020, trang 3.

⁴⁷ Hệ thống gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, <https://nopdonkhoikien.toaan.gov.vn/ChiTietTin.aspx?tID=21&&cID=5>

⁴⁸ Ngoài các ý kiến được phỏng vấn, một số ý kiến tương tự liên quan tới tính ổn định của hệ thống cũng được nêu tại Báo cáo đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2018 (Báo cáo APCI) ví dụ đối với nhóm các thủ tục hành chính về thuế, người thực hiện thủ tục hành chính hay gặp phải lỗi Java, lỗi phần mềm khiến việc nộp hồ sơ cho thủ tục thuế mất thời gian (Báo cáo APCI, trang 39)

Nguyễn Thị Thu Hòa - VKSND tỉnh Quảng Ninh, *Bàn về vấn đề gửi đơn khởi kiện trực tuyến trong Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015*, Trang thông tin điện tử tổng hợp của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, <http://www.vksquangninh.gov.vn/index.php/Cac-dao-luat-tu-phap-moi/ban-v-v-n-d-g-i-don-kh-i-ki-n-tr-c-tuy-n-trong-b-lu-t-t-t-ng-dan-s-nam-2015.html>

tử cần được triển khai thí điểm tại các TAND huyện, như các toà án tại Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh bởi đây là cấp xét xử vụ án dân sự sơ thẩm chủ yếu nên nhu cầu cá nhân công dân, doanh nghiệp nộp đơn bằng phương thức điện tử sẽ nhiều hơn ở các Toà án cấp tỉnh thí điểm hiện nay.⁴⁹

Tuy nhiên, các luật sư cũng cho biết mặc dù Toà án đã có quy định về tiếp nhận đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến và các TAND cấp tỉnh đã có trang thông tin điện tử nhưng các trang thông tin này mới chỉ đáp ứng phần nào yêu cầu của dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 (xem **Hộp 5: Mức độ về dịch vụ công trực tuyến**). Theo đó, khoảng cách giữa yêu cầu của BLTTDS 2015 với thực tiễn cơ sở hạ tầng thông tin tại các Toà án là tương đối lớn. Như đã nêu ở phần trên, không có TAND cấp huyện nào có trang thông tin điện tử. Trong khi đó, rất nhiều cơ quan hành chính công từ cấp trung ương tới cấp xã đã vận hành dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và 3. Nhiều cơ quan hành chính công đang vận hành dịch vụ công trực tuyến mức độ 4⁵⁰ theo Nghị quyết 36a của Chính phủ về chính phủ điện tử⁵¹.

Có ý kiến trong nội bộ các Toà án được khảo sát cho rằng, với số lượng giải quyết vụ án hiện nay các Toà án địa phương thì chỉ cần xây dựng mô hình hoạt động của Bộ phận hành chính tư pháp mà chưa cần thiết chú trọng thiết lập hệ thống nộp đơn khởi kiện bằng phương tiện điện tử cho mỗi Toà án hoặc mỗi địa phương vì chi phí tốn kém. Nếu có thể, TANDTC cần xây dựng một hệ thống tiếp nhận đơn khởi kiện tập trung để áp dụng chung trên toàn quốc.

2.1.5. Một số phân tích, nhận định về công tác TTHC tư pháp

Mô hình “một cửa” được áp dụng tại Việt Nam trong các hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ những năm đầu của thế kỷ 21 với mục tiêu “*xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Đến năm 2010, hệ thống hành chính về cơ bản được cải cách phù hợp với yêu cầu quản lý nền*

⁴⁹ Nguyễn Thị Thu Hòa, sđd

⁵⁰ Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017. Theo đó, Quyết định yêu cầu 354 thủ tục hành chính ở các bộ, ngành và 353 thủ tục hành chính ở các địa phương sẽ triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ngay trong năm 2017

⁵¹ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử

*kinh tế thị trường*⁵². Cho đến hiện nay, mô hình “một cửa” giải quyết TTHC đã được cải tiến rất nhiều nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trong từng thời kỳ và bảo đảm phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Mô hình “một cửa” trong các cơ quan hành chính được xây dựng khá thống nhất về hình thức, quy trình đối với người dân, tạo nên sự thống nhất về nhận thức của người dân khi tới làm việc ở các địa phương khác nhau hoặc các cấp khác nhau⁵³.

Trong thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, đòi hỏi các cơ quan công quyền phải đổi mới mạnh mẽ hơn theo hướng công khai, minh bạch nhằm tạo điều kiện thông thoáng nhất để mọi người dân đều đóng góp công sức, của cải phát triển sản xuất kinh doanh làm giàu cho mình, cho đất nước⁵⁴. Hiện tại, Chính phủ đang xây dựng chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số ở Việt Nam⁵⁵. Chính phủ cũng vừa khai trương Trục liên thông văn bản quốc gia để thúc đẩy sự phát triển của mô hình chính phủ điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp⁵⁶. Những thành công và kinh nghiệm của Chính phủ và các cơ quan hành chính trong việc xây dựng và vận hành thành công mô hình “một cửa”, giải quyết TTHC bằng phương thức điện tử sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hệ thống Tòa án nhân dân trong việc xây dựng và phát triển mô hình hành chính tư pháp “một cửa” và xây dựng mô hình Tòa án điện tử của riêng mình.

Theo Báo cáo Môi trường Kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới hàng năm, chỉ số Thực thi hợp đồng ở Việt Nam khá hơn so với các nền kinh tế có cùng mức độ phát triển kinh tế và ở khu vực Đông Á (như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Philippines và Indonesia) và kém hơn nhiều so với các nước có mức độ phát triển cao

⁵² Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/09/2001 phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010; xem thêm UNDP (2014), *sđd*, trang 15

⁵³ Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quan sát của Nhóm nghiên cứu đối với các cơ quan hành chính trong quá trình khảo sát tại các địa phương

⁵⁴ Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 (**Nghị quyết 02/NQ-CP**); các Nghị quyết 19/NQ-CP của Chính phủ từ năm 2015 đến 2018.

⁵⁵ Mai Tiến Dũng, *Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số ở Việt Nam*, Trang tin Chính phủ điện tử, <http://egov.chinhphu.vn/xay-dung-chinh-phu-dien-tu-huong-toi-chinh-phu-so-va-nen-kinh-te-so-o-viet-nam-a-newsdetails-37599-14-186.html>; Hà Chính (2019), *Bước tiến dài từ nút bấm điện tử của Thủ tướng*, Báo Điện tử Chính phủ, <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Buoc-tien-dai-tu-nut-bam-dien-tu-cua-Thu-tuong/361143.vgp>

⁵⁶ Hoàng Anh (2019), *Trục liên thông văn bản quốc gia: Bước cơ bản cho quá trình chuyển đổi số của Chính phủ*, Báo Điện tử Chính phủ, <http://baochinhphu.vn/Khoa-hoc-Cong-nghe/Truc-lien-thong-van-ban-quoc-gia-Buoc-co-ban-cho-qua-trinh-chuyen-doi-so-cua-Chinh-phu/360932.vgp>; Báo Điện tử Chính phủ (2019), *Thủ tướng khai trương Trục liên thông văn bản quốc gia*, <http://www.baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Thu-tuong-khai-truong-Truc-lien-thong-van-ban-quoc-gia/361065.vgp>

hơn (như Singapore) (xem Bảng 1 dưới đây). Nếu so sánh trên quy mô thế giới, chỉ số Thực thi hợp đồng ở Việt Nam xếp hạng 62 trên tổng số 190 nền kinh tế trong năm 2019⁵⁷. Nếu Việt Nam muốn thúc đẩy phát triển kinh tế, chỉ số Thực thi hợp đồng tại Việt Nam cần phải cải thiện hơn nữa⁵⁸.

Bảng 1: Thời gian Thực thi hợp đồng tại một số quốc gia

– Báo cáo Môi trường Kinh doanh (2019)

2018	Trung Quốc (Beijing)	Ấn Độ	Singapore	Thái Lan	Malaysia	Philippine	Indonesia	Việt Nam
Thời gian giải quyết vụ án (ngày)	510 (100%)	1.445 (100%)	164 (100%)	420 (100%)	425 (100%)	962 (100%)	403,2 (100%)	400 (100%)
Thụ lý	30 6%	45 3%	6 4%	60 14%	35 8%	58 6%	60 15%	50 12,5%
Xét xử và tuyên án	240 47%	1.095 76%	118 71%	260 62%	270 64%	700 73%	220 55%	200 50%
Thi hành án	240 47%	305 21%	40 25%	100 22%	120 28%	204 21%	180 30%	150 37,5%

Khoảng thời gian tiếp nhận đơn khởi kiện dài sẽ tác động tới tâm lý của các bên liên quan và niềm tin của họ vào tính liêm chính và năng lực của cơ quan xét xử cũng như là bảo đảm quyền khởi kiện của người dân, doanh nghiệp. Tính theo tỷ trọng thời gian thụ lý vụ án với thời gian giải quyết vụ án thì khoảng thời gian thụ lý vụ án ở Việt Nam còn dài, chiếm đến 12,5% tổng số thời gian giải quyết vụ việc (xem chi tiết tại Bảng 1). Như vậy, dư địa để cải cách khoảng thời gian giải quyết tranh chấp tại Tòa án thông qua công tác hoàn thiện TTHC tư pháp là có. Theo mong muốn của Chính phủ, chỉ số giải quyết tranh chấp hợp đồng của Việt Nam phải ngày một tiến bộ nhiều hơn nữa để cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam⁵⁹. Vấn đề này đòi hỏi TANDTC phải có một kế hoạch tổng thể về kiểm soát thời gian giải quyết tranh chấp tại Tòa án và Tổng cục Thi hành án phải có kế hoạch để giảm thiểu thời gian đối với hoạt động thi hành án.

Kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới – nơi có những cải thiện đáng kể về chỉ số Thực thi hợp đồng cho thấy rằng để cải thiện chỉ số này, cần phải cải thiện thời gian nộp đơn khởi kiện bao gồm việc áp dụng phương thức điện tử trong việc nộp đơn

⁵⁷ Ngân hàng Thế giới (2019), Báo cáo Môi trường kinh doanh 2019

⁵⁸ Ban Kinh tế Trung ương – Cơ quan hợp tác phát triển Hoa Kỳ (2017), *Chẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, trang 229-230

⁵⁹ Nghị quyết 02/NQ-CP; các Nghị quyết 19/NQ-CP của Chính phủ từ năm 2015 đến 2018

khởi kiện, nộp án phí. Cho đến năm 2018, có 31 nền kinh tế đã áp dụng nộp đơn khởi kiện bằng phương thức điện tử⁶⁰.

Hiện nay việc thành lập Bộ phận hành chính tư pháp mới chỉ được đề cập trong văn bản chỉ đạo của lãnh đạo TANDTC về cải cách TTHC tư pháp như một yêu cầu chung đối với TAND các cấp. TANDTC giao Văn phòng TANDTC chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ Pháp chế và quản lý khoa học, Vụ Tổng hợp khẩn trương xây dựng mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận hành chính tư pháp tại từng cấp Tòa án dựa trên các thực tiễn tốt trong việc cải cách TTHC tư pháp và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của TANDTC để lấy ý kiến của các Tòa án trước khi trình lãnh đạo TANDTC xem xét, quyết định⁶¹. Mô hình Bộ phận hành chính tư pháp cho các hoạt động hành chính tư pháp của các cơ quan Tòa án có thể học tập những kinh nghiệm tốt từ mô hình “một cửa” trong giải quyết TTHC và tận dụng những cơ sở hạ tầng sẵn có, như hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm...

Hiện nay, một số TAND tỉnh vẫn còn áp dụng trên thực tế việc tiếp nhận đơn khởi kiện thông qua Tòa chuyên trách. Có ý kiến cho rằng việc nộp đơn khởi kiện qua Tòa chuyên trách sẽ thiếu đi cơ chế kiểm soát việc thụ lý và giải quyết vụ án. Thẩm phán được phân công trực tiếp nhận đơn lại là người giải quyết vụ việc sau này nên dễ tạo ra cơ hội về tiêu cực⁶², ảnh hưởng đến sự độc lập, tính khách quan của Thẩm phán khi xét xử. Đồng thời, lãnh đạo Tòa án khó nắm bắt được công tác thụ lý án⁶³.

Tiểu kết 1: Tiếp nhận đơn và thụ lý vụ án

1. Mô hình Bộ phận hành chính tư pháp đã thể hiện sự ưu việt nhất định trong việc tiếp nhận đơn khởi kiện, như nâng cao tính minh bạch, liêm chính, rút ngắn thời gian thụ lý vụ án. Mô hình Bộ phận hành chính tư pháp cũng phù hợp với các mô hình “một cửa” trong giải quyết TTHC hiện nay nên có tác động nhất định trong nhận thức, niềm tin của người dân vào Tòa án. Tất cả các Tòa án được khảo sát đều đã và đang áp dụng mô hình Bộ phận hành chính tư pháp với những đặc điểm riêng biệt, phù hợp với số lượng vụ án giải quyết hàng năm và số lượng nhân sự, đặc điểm của cơ sở vật chất hiện có của mỗi Tòa án. Tuy nhiên, mô hình này mới chỉ được áp dụng tại một số địa phương (với những khác biệt nhất định) mà chưa được luật hóa thành một quy định mang tính bắt buộc áp dụng chung. Do vậy, việc áp dụng Bộ phận hành chính tư pháp cần được đồng bộ hoá và sớm triển khai trên toàn quốc phù hợp

⁶⁰ Ngân hàng Thế giới (2018), *Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2018*, trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 63

⁶¹ Chỉ thị 03/2016/CT-CA

⁶² UNDP (2014), sđd, trang 15 và 16.

⁶³ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2012), *Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện thí điểm cải cách hành chính tư pháp tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long*

với yêu cầu của Chỉ thị số 01/2020 của Chánh án TANDTC, đó là “*hệ thống Tòa án nhân dân tiếp tục hoàn thiện mô hình chức và hoạt động của bộ phận hành chính tư pháp hoặc phòng hành chính tư pháp, trong đó tập trung hoàn thiện quy trình để thực hiện cơ chế một cửa liên thông và đơn giản hoá việc tiếp nhận, hướng dẫn giải quyết các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, công dân trước và sau các phiên toà*”⁶⁴.

2. Nộp đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến là một xu hướng tất yếu trong quá trình điện tử hoá Tòa án trong bối cảnh đất nước đang trong giai đoạn chuyển mình để bắt kịp với xu hướng phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0. Nộp đơn khởi kiện bằng phương thức điện tử không chỉ thuận tiện, tiết kiệm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp và Tòa án mà cũng nâng cao mạnh mẽ hơn nữa tính minh bạch trong hoạt động của hệ thống Tòa án. Chỉ thị 01/2020 của Chánh án TANDTC cũng đã yêu cầu: “*tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tiến tới xây dựng Tòa án điện tử gắn với đẩy mạnh cải cách TTHC tư pháp tại Tòa án*”. Chỉ thị cũng chú trọng “*khẩn trương hoàn thiện và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý các loại vụ án; tổ chức vận hành và khai thác hiệu quả các phần mềm ứng dụng và hệ thống truyền hình trực tuyến*”. Hệ thống Tòa án nhân dân cần tìm biện pháp khắc phục các hạn chế mà Nghiên cứu đã phát hiện, để bảo đảm mức độ phát triển của hệ thống thông tin tại các TAND cấp tỉnh tối thiểu đạt mức độ 2 của dịch vụ hành chính công trực tuyến.

3. Áp dụng công tác hoà giải, đối thoại tại Tòa án đã có những đóng góp nhất định đối với việc giải quyết tranh chấp dân sự và kinh doanh thương mại cũng như là giảm áp lực xét xử cho các Tòa án nhân dân. Tuy nhiên, thủ tục hoà giải, đối thoại cũng cần phải có cơ chế, biện pháp hữu hiệu để tránh khả năng thủ tục này lại làm gia tăng thời gian thụ lý vụ án nói riêng và tổng thể thời gian giải quyết vụ án nói chung tại Tòa án. Ngoài ra, các Tòa án cần có các biện pháp bảo đảm công tác hoà giải đúng với các nguyên tắc của hoà giải, đối thoại tại Tòa án mà Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án 2020 đã đặt ra⁶⁵ cũng như bảo vệ được tính liên chính, độc lập của Tòa án.

⁶⁴ Chỉ thị số 01/2020/CT-CA ngày 09/01/2020 về việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các Tòa án

⁶⁵ Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án 2020, Điều 3

2.2. Phân công Thẩm phán giải quyết vụ án

BLTTDS 2015 yêu cầu việc phân công Thẩm phán giải quyết vụ án phải bảo đảm nguyên tắc vô tư, khách quan, ngẫu nhiên⁶⁶. BLTTDS 2015 không quy định rõ việc phân công Thẩm phán qua 02 (hai) giai đoạn thụ lý vụ án và giải quyết vụ án. Trước đây, Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP (đã hết hiệu lực) có quy định Thẩm phán đã thực hiện việc xem xét đơn khởi kiện và thụ lý vụ án sẽ được tiếp tục phân công giải quyết vụ án⁶⁷. Tuy nhiên, quy trình này được đánh giá là thiếu minh bạch, tạo nhiều cơ hội cho tham nhũng trong xét xử do tạo thành một vòng khép kín từ xét nhận đơn, thụ lý, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án⁶⁸. Hiện nay, các Tòa án có những cách thức phân công Thẩm phán khác nhau. Phần dưới đây sẽ phân tích khung pháp lý và thực tiễn phân công Thẩm phán tại Tòa án cấp huyện và cấp tỉnh cũng như cơ chế phân công án theo phương tiện điện tử hiện đang được thí điểm tại một số địa phương.

2.2.1. Phân công Thẩm phán tại Tòa án cấp huyện

Thẩm phán của TAND huyện thường xét xử hết các loại án từ hành chính, lao động, thương mại đến hình sự⁶⁹. Trên thực tế, lãnh đạo Tòa án thường phân công án theo 02 (hai) tiêu chí chủ yếu là “khối lượng công việc” mà Thẩm phán đang giải quyết để bảo đảm các Thẩm phán có khối lượng giải quyết vụ án tương đối ngang bằng nhau và “chuyên môn hoặc kinh nghiệm” của Thẩm phán trong việc giải quyết vụ việc. Bên cạnh đó, còn có những tiêu chí khác mà các lãnh đạo Tòa án có thể áp dụng trong quá trình phân công Thẩm phán như vị trí, thâm niên, sức khỏe, giới tính, dân tộc, phân công xen kẽ giữa một vụ phức tạp và một vụ không phức tạp...⁷⁰.

Các Tòa án được khảo sát đều khẳng định việc phân công án tại Tòa án mình chủ yếu dựa trên phương pháp phân công ngẫu nhiên, nhưng cũng có những vụ án được lãnh đạo Tòa án phân công dựa trên một số yếu tố đặc thù. Tại TAND Quận 5, lãnh đạo Tòa án dựa trên năng lực của Thẩm phán và tính chất của hồ sơ vụ việc để phân công Thẩm phán giải quyết vụ việc. Trong khi đó, tại TAND Tp. Thủ Dầu Một, ngoài các yếu tố này, Lãnh đạo Tòa còn dựa trên kinh nghiệm của Thẩm phán đối với các vụ việc có tính chất tương tự trước đó để tiến hành phân công (ví dụ nếu Thẩm phán

⁶⁶ BLTTDS 2015, Điều 197

⁶⁷ Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP, Điều 11, khoản 2

⁶⁸ Phạm Hồng Linh (2017), *Hoàn thiện thủ tục phân công Thẩm phán giải quyết vụ án đáp ứng yêu cầu đổi mới thủ tục hành chính*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 13 (kỳ I tháng 7/2017), trang 11-12

⁶⁹ UNDP (2014), sđd, trang 22

⁷⁰ Dự án JUDGE_NHQuang&Cộng sự (2012), *Báo cáo đánh giá hợp phần 2: Cải cách hành chính tư pháp – Kinh nghiệm từ ba Tòa án thí điểm của Dự án hỗ trợ cải cách tư pháp từ cơ sở*; UNDP (2014), sđd, trang 22; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 16; Phạm Hồng Linh (2017), sđd, trang 11-12

đó đã từng giải quyết một vụ việc phá sản thì sẽ được phân công giải quyết vụ án có yếu tố phá sản). Riêng TAND Quận Hồng Bàng áp dụng phương pháp quay vòng ngẫu nhiên để phân công Thẩm phán. Theo đó, mỗi Thẩm phán được cấp một mã số riêng, mã số cố định này được thay đổi 01 năm/01 lần. Thẩm phán có số lượng án tồn ít sẽ có xác suất được phân công cao hơn. Như đã nêu ở phần tiếp nhận đơn khởi kiện, các Tòa án được khảo sát đều có hệ thống quản lý vụ án được thụ lý bằng công nghệ thông tin và/hoặc bằng sổ giấy truyền thống để lãnh đạo Tòa án có thể nắm được tình hình thực tế các Thẩm phán đang thụ lý, giải quyết án tại Tòa án mình, từ đó có cơ sở phân công án cũng như theo dõi và thúc đẩy việc giải quyết vụ án.

2.2.2. Phân công Thẩm phán tại Tòa án cấp tỉnh

Do cơ cấu của TAND tỉnh bao gồm các Tòa chuyên trách nên hoạt động phân công Thẩm phán tại các Tòa cấp tỉnh thường khác với phân công án của TAND huyện. Thông thường, Thẩm phán tại các Tòa chuyên trách của TAND tỉnh sẽ giải quyết các vụ án theo chuyên môn của đơn vị mình. Tương tự như việc phân công án tại TAND huyện, tiêu chí phân công Thẩm phán tại TAND tỉnh không đồng nhất giữa các địa phương do có những điều chỉnh khác biệt để phù hợp với thực tế hoạt động của mỗi Tòa án. Tuy nhiên, có những điểm chung nhất định về tiêu chí phân công án giữa các Tòa án được khảo sát là phân công án dựa trên (i) *số lượng án* và (ii) *mức độ phức tạp* của vụ việc. Thực tế, số lượng các vụ án kinh doanh thương mại, lao động, hành chính được thụ lý ít hơn nhiều so với các loại án khác, hình sự, dân sự và hôn nhân. Các Thẩm phán tại 03 (ba) toà: Kinh tế, Lao động và Hành chính thường được phân công thêm các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân. Có TAND cấp tỉnh lại phân công án theo tiêu chí là phân công đều và ngẫu nhiên cho các Thẩm phán mà không phụ thuộc vào yếu tố Thẩm phán đó thuộc Tòa chuyên trách nào với mục tiêu các Thẩm phán có khối lượng giải quyết vụ án tương đương nhau và thúc đẩy các Thẩm phán đều có khả năng xét xử các loại án⁷¹.

Tương tự như hoạt động phân công Thẩm phán của TAND Quận Hồng Bàng, TAND Tp. Hải Phòng áp dụng cơ chế quay vòng ngẫu nhiên trong phân công Thẩm phán nhưng cũng có cân nhắc đến hai yếu tố nêu trên (số lượng và mức độ phức tạp của vụ án). Mục tiêu của TAND Tp. Hải Phòng trong việc áp dụng nguyên tắc quay vòng ngẫu nhiên là nhằm giúp đảm bảo sự công bằng trong phân công án, rèn luyện Thẩm phán có ý thức tự nâng cao kiến thức chuyên môn trong các lĩnh vực. Việc phân công

⁷¹ Dự án JUDGE_NHQuang&Cộng sự (2012), sdd; UNDP (2014), sdd, trang 22

Thẩm phán theo nguyên tắc đánh số quay vòng ngẫu nhiên cũng đã được áp dụng ở một số TAND tỉnh khác⁷².

Có Tòa án đã triển khai ứng dụng Phần mềm phân công án ngẫu nhiên cho các Thẩm phán, như TAND Tp. Hồ Chí Minh hay TAND Tp. Đà Nẵng⁷³, để bảo đảm tính ngẫu nhiên cao và tránh sự can thiệp chủ quan vào việc phân công án. Phần mềm phân công Thẩm phán tại TAND Tp. Hồ Chí Minh thực hiện theo các thứ tự ưu tiên như sau⁷⁴:

- Thứ tự ưu tiên thứ nhất là phân công án mới đối với Thẩm phán có số lượng án tồn ít nhất và giải quyết nhiều án, đồng thời trong số các án đã giải quyết có ít án tạm đình chỉ và án hủy theo thứ tự tổng số án tồn nhiều ít khác nhau;
- Thứ tư ưu tiên thứ hai là phân công án mới đối với Thẩm phán có số lượng án tồn ít nhưng trong số các án đã giải quyết còn nhiều án tạm đình chỉ và án hủy;
- Thứ tự ưu tiên thứ ba là tạm dừng hoặc không phân công đối với Thẩm phán có nhiều án tồn và án tạm đình chỉ.

Đối với các vụ án đặc biệt thì lãnh đạo phân công trực tiếp (ví dụ như các vụ án đặc biệt cần phân công cụ thể Thẩm phán chuyên trách có kinh nghiệm và năng lực, hoặc các vụ án đơn giản cho các Thẩm phán mới bổ nhiệm) thì không áp dụng phần mềm phân công Thẩm phán.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện việc phân công án ngẫu nhiên bằng phần mềm hoàn toàn nêu trên đã bộc lộ những nhược điểm như: trình độ của Thẩm phán không đồng đều nên khi gặp những vụ án phức tạp thì ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án TAND Tp. Hồ Chí Minh đã dừng việc áp dụng phần mềm phân công Thẩm phán.

⁷² Nguyễn Ngọc, *Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Nam Định và Hà Nam trao đổi kinh nghiệm về cải cách hành chính tư pháp*, Trang thông tin điện tử Học viện Tòa án,

http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676662/27676824?pers_id=1751931&folder_id=&item_id=178362000&p_details=1

⁷³ Kha Miên (2017), *Đổi mới thủ tục hành chính tư pháp*, Báo Đà Nẵng,

<http://baodanang.vn/channel/5399/201707/doi-moi-thu-tuc-hanh-chinh-tu-phap-2562477/>

⁷⁴ Phạm Hồng Lĩnh (2017), sdd, trang 11-12

2.2.3. Một số phân tích, nhận định về công tác phân công Thẩm phán giải quyết vụ án

Nghiên cứu thực tế cho thấy phương thức phân công Thẩm phán giải quyết vụ án tại các Tòa án là có khác nhau. Hai Tòa án áp dụng phương thức phân công án ngẫu nhiên tự động với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin (như TAND Tp. Hải Phòng và TAND quận Hồng Bàng). Các Tòa án còn lại có áp dụng phân công ngẫu nhiên có điều kiện với sự tham gia của lãnh đạo Tòa án. Mỗi phương thức đều có mục tiêu riêng, ưu điểm và nhược điểm riêng. Tất cả các Tòa án được khảo sát đều khẳng định phương thức của Tòa án mình đều bảo đảm được tính độc lập, vô tư, minh bạch và hiệu quả.

Những Tòa án phân công Thẩm phán giải quyết vụ án theo phương thức ngẫu nhiên có điều kiện, như phân công dựa trên tính chuyên môn của Thẩm phán có thể tăng hiệu quả về chất lượng xét xử nhưng lại có thể gây mất cân bằng về số lượng vụ án phải giải quyết của từng Thẩm phán. Trong trường hợp phân công theo chuyên môn, kinh nghiệm dựa trên ý chí chủ quan của cá nhân lãnh đạo Tòa án sẽ dẫn đến nguy cơ đối với việc đảm bảo tính minh bạch, liêm chính, độc lập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu việc phân công án ngẫu nhiên có điều kiện với có các tiêu chí của điều kiện phân công án rõ ràng thì sẽ giảm thiểu được những nguy cơ này⁷⁵.

Việc phân công án ngẫu nhiên tự động với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin đang được coi là những thực tiễn tốt về giải quyết tranh chấp tại Tòa án của nhiều quốc gia. Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, có 33 quốc gia đang phát triển áp dụng phương thức quản lý vụ án, trong đó có hoạt động phân công án, bằng phương tiện điện tử để bảo đảm tính công khai, minh bạch. 6 quốc gia khác áp dụng riêng công tác phân công án tự động với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin⁷⁶. Theo quan điểm của Mạng lưới các Hội đồng Tư pháp Châu Âu (European Network of Councils for Judiciary (ENCJ)), bảo đảm chất lượng phân công án ngẫu nhiên sẽ gia tăng niềm tin của công chúng đối với tính độc lập, khách quan, vô tư của hệ thống tư pháp và bảo đảm tính hiệu quả và trách nhiệm giải trình của Tòa án và Thẩm phán. Dựa trên mục tiêu này, nhiều quốc gia chuyển đổi ở Châu Âu đã áp dụng phân công án ngẫu nhiên tự động với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, như Bulgaria, Rumania, Slovakia, và Montenegro⁷⁷. Cũng cần lưu ý rằng, việc phân công án ngẫu nhiên có điều kiện mà

⁷⁵ Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 15; UNODC (2011), sđd, trang 41

⁷⁶ World Bank, Cải cách thuộc Chỉ số Thực thi Hợp đồng (2020), truy cập lần cuối 30/07/2020, <https://www.doingbusiness.org/en/reforms/overview/topic/enforcing-contracts>

⁷⁷ ENCJ, Báo cáo của ENCJ 2013-2014, Tiêu chuẩn Tư pháp Tối thiểu IV, Phân công Án,.

không có rõ ràng về tiêu chí, nội dung của các điều kiện thì có thể dẫn đến bản chất của “ngẫu nhiên” không còn được tôn trọng.

Có ý kiến cho rằng, để bảo đảm được chất lượng giải quyết vụ án trong trường hợp phân công án ngẫu nhiên có điều kiện thì Toà án có thể áp dụng cơ chế tham vấn giữa Thẩm phán với tập thể Thẩm phán hoặc lãnh đạo Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Cơ chế này hiện nay được áp dụng khá phổ biến tại các Toà án ở Việt Nam mặc dù còn có những ý kiến liên quan đến việc bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán trong quá trình xét xử⁷⁸.

Xét về tổng thể của các chính sách nâng cao chất lượng xét xử như: quản lý chặt chẽ thời gian giải quyết vụ án để không bị án quá hạn, quản lý chất lượng giải quyết vụ án để án không bị huỷ, bị sửa... thì hoạt động phân công án ngẫu nhiên tự động sẽ đòi hỏi các Thẩm phán phải nâng cao năng lực để bảo đảm giải quyết được các loại án/việc được phân công. Việc duy trì phân công án ngẫu nhiên có điều kiện có thể giảm áp lực công việc cho Thẩm phán nhưng lại không tạo ra áp lực buộc phải nâng cao năng lực.

Phân công giải quyết vụ án theo yếu tố ngẫu nhiên, được kiểm soát chặt chẽ và công khai thì gia tăng tính liêm chính của hệ thống Toà án và gia tăng niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào hệ thống cơ quan tư pháp, đồng thời giảm bớt nguy cơ tham nhũng⁷⁹. Phương thức phân công giải quyết vụ án mang tính ngẫu nhiên được khuyến nghị trong một số nghiên cứu của các tổ chức quốc tế đa phương, như UNODC, UNDP và được Ngân hàng Thế giới (World Bank) đưa vào hệ thống xếp hạng chỉ số Bảo đảm thực thi hợp đồng của Báo cáo Môi trường kinh doanh⁸⁰.

Tiểu kết 2: Phân công Thẩm phán giải quyết vụ án

Phân công Thẩm phán giải quyết vụ án là một vấn đề quan trọng trong quản lý hoạt động xét xử của Toà án và ảnh hưởng tới thời gian giải quyết vụ án, tính liêm chính, tính độc lập của Toà án và niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào hệ thống tư pháp. Chỉ thị 01/2020 Của Chánh án TANDTC đã đặt ra nhiệm vụ “*hoàn thiện quy trình phân công giải quyết các vụ việc, bảo đảm tính khách quan, ngẫu nhiên trong quá trình giải quyết*”. Nhiệm vụ này đòi hỏi TANDTC hoặc TAND các cấp cần phải xây dựng những tiêu chí phân công án rõ ràng, được quy phạm hoá đối với công tác này nhằm bảo đảm được tính minh bạch, công khai và bảo vệ

⁷⁸ UNDP (2014), sđd, trang 22

⁷⁹ UNODC (2011), sđd, trang 41

⁸⁰ UNODC (2011), sđd, trang 41; UNDP (2014), sđd, trang 22; World Bank (2018), sđd, trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 13

liên chính của Tòa án và Thẩm phán. Bên cạnh đó, TANDTC cần nghiên cứu áp dụng việc phân công án ngẫu nhiên tự động như TAND Tp. Hải Phòng hay TAND quận Hồng Bàng đang áp dụng hoặc có thể tham khảo các kinh nghiệm quốc tế về vấn đề này.

2.3. Quản lý thời gian giải quyết vụ án

Việc quản lý thời gian giải quyết vụ án có mối quan hệ chặt chẽ với các công tác tiếp nhận đơn khởi kiện, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Việc thực hiện quản lý thời gian giải quyết vụ án tốt sẽ giảm bớt tình trạng án tồn đọng cũng như hỗ trợ việc phân bổ thời gian và nguồn lực tại Tòa án, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Tòa⁸¹. Theo Ngân hàng Thế giới, thời gian giải quyết vụ án là một trong những yếu tố quan trọng để đo lường hiệu quả giải quyết tranh chấp của Tòa án. Quản lý vụ án, bao gồm cả quản lý thời gian giải quyết vụ án, là một trong những yếu tố để đo lường chất lượng của quy trình tố tụng⁸². So với các quốc gia trong khu vực ASEAN và Đông Á, thời gian giải quyết tranh chấp của Việt Nam ở mức tốt, chỉ kém Singapore (xem Bảng 1⁸³) và không thay đổi trong 10 (mười) năm qua. Tuy nhiên, thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng ở Việt Nam kéo dài và kém hơn mức trung bình trung của các quốc gia có cùng mức phát triển kinh tế⁸⁴.

2.3.1. Phương pháp quản lý thời gian tố tụng

Cung cấp giấy hẹn khi tiếp nhận đơn khởi kiện là một chế định mới của BLTTDS 2015. Chế định này tạo tiền đề cho việc quản lý chặt chẽ thời gian giải quyết vụ án, hạn chế những tiêu cực và chậm trễ của Tòa án trong việc giải quyết vụ án như trước đây⁸⁵. Bên cạnh đó, BLTTDS 2015 đã quy định về thời hạn của các bước tiến hành tố tụng (ví dụ như thời hạn xem xét đơn khởi kiện⁸⁶, thời hạn ra quyết định đưa vụ án ra xét xử⁸⁷...). Chánh án có trách nhiệm phân công Thẩm phán, Hội thẩm và thư ký Tòa án⁸⁸. BLTTDS 2015 yêu cầu TAND cần đảm bảo nguyên tắc xét xử kịp thời⁸⁹. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng pháp luật hiện hành về tố tụng dân sự còn thiếu những quy định/hướng dẫn cụ thể về quản lý thời gian tố tụng để hạn chế xét xử không đúng thời hạn⁹⁰.

⁸¹ UNODC (2011), sđd, trang 44

⁸² Xem thêm Enforcing Contracts Methodology,

<http://www.doingbusiness.org/en/methodology/enforcing-contracts>

⁸³ Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, Phần Thực thi hợp đồng, Dữ liệu, Mục Thời gian,

<http://www.doingbusiness.org/en/data/exploretopics/enforcing-contracts>

⁸⁴ Ban Kinh tế Trung ương – Cơ quan hợp tác phát triển Hoa Kỳ (2017), sđd, trang 229-230

⁸⁵ BLTTDS 2015, Điều 191, khoản 1; Dự án JUDGE_NHQuang&Cộng sự (2012), sđd; UNDP (2014), sđd, trang 18-19

⁸⁶ BLTTDS 2015, Điều 191, khoản 3

⁸⁷ BLTTDS 2015, Điều 203, khoản 3, điểm d

⁸⁸ BLTTDS 2015, Điều 47; Điều 191, khoản 2; Điều 197, khoản 2

⁸⁹ BLTTDS 2015, Điều 15, khoản 1

⁹⁰ Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao (2015), sđd, trang 9

Trước khi ban hành BLTTDS 2015, TANDTC đưa tiêu chí đánh giá thi đua giữa các Toà án, Thẩm phán nhằm nâng cao năng lực giải quyết vụ án, giảm bớt vụ án bị quá thời hạn tố tụng. Các Toà án có nhiều phương pháp quản lý thời gian giải quyết vụ án khác nhau để hạn chế các vụ án bị quá thời hạn tố tụng, bao gồm quản lý thủ công bằng sổ tiếp nhận vụ án, sổ thụ lý vụ án, công nghệ thông tin, báo cáo định kỳ...⁹¹. Năm 2012, TANDTC phát triển được một hệ thống phần mềm quản lý án thống nhất (đối với án hình sự; dân sự; hôn nhân và gia đình; kinh doanh, thương mại; lao động; hành chính) dùng chung cho TAND các cấp. Tuy nhiên, vì một số lý do mà việc áp dụng phần mềm chỉ được một thời gian ngắn, không đầy đủ tại các Toà án địa phương⁹². Hiện tại, TANDTC đang xây dựng phần mềm quản lý án mới nhằm xử lý công việc một cách nhanh chóng và nâng cao năng suất công việc, nâng cao hiệu quả quản lý và tiêu chuẩn giao diện người dùng⁹³.

Qua khảo sát cho thấy, có 04 (bốn) xu hướng quản lý thời gian tố tụng của nội bộ các Toà án hiện đang được áp dụng như sau:

Thứ nhất, phương pháp quản lý tố tụng bằng việc xây dựng tiêu chí rõ ràng theo BLTTDS 2015 và được lập trình thành phần mềm chuyên biệt. TANDCC Hà Nội và TAND Tp. Hồ Chí Minh là 02 (hai) đơn vị có thực tiễn tốt trong việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý thời gian tố tụng một cách hiệu quả. Cụ thể, TANDCC Hà Nội đã tự phát triển một phần mềm quản lý thời gian giải quyết vụ án để áp dụng trong nội bộ cơ quan. Phần mềm này được xây dựng dựa trên các hướng dẫn về nghiệp vụ của TANDTC và được sửa đổi để phù hợp với quy trình nội bộ của TANDCC Hà Nội. Cán bộ của Tòa án được cấp quyền truy cập chỉ cần nhập mã số của vụ án vào phần mềm sẽ có thể truy cập thông tin về vụ án. Phần mềm sử dụng thời gian thực, có thể biết được các mốc thời gian trong quy trình giải quyết của từng vụ án và có chức năng cảnh báo Thẩm phán về thời hạn giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc xây dựng phần mềm này đòi hỏi phải có sự chuẩn hoá về mặt quy trình trong nội bộ Tòa án và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cán bộ Tòa án trong việc cập nhật thông tin trên phần mềm.

Tương tự TANDCC Hà Nội, TAND Tp. Hồ Chí Minh cũng tự xây dựng một phần mềm để quản lý thời gian giải quyết vụ án và cũng dựa trên các hướng dẫn về nghiệp vụ của TANDTC và được sửa đổi để phù hợp với quy trình nội bộ của TAND Tp. Hồ Chí

⁹¹ Dự án JUDGE_NHQuang&Cộng sự (2012), sđd

⁹² Trần Quang Huy (2017), *Học tập kinh nghiệm của Tòa án Hàn Quốc về ứng dụng công nghệ thông tin*, Báo Công Lý, <http://congly.vn/hoat-dong-toa-an/ngiep-vu/hoc-tap-kinh-nghiem-cua-toa-an-han-quoc-ve-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-207952.html>

⁹³ Trần Quang Huy (2017), sđd

Minh. Thẩm phán tại TAND Tp. Hồ Chí Minh thông qua phần mềm có thể biết được số lượng án mà mình giải quyết, tiến độ giải quyết công việc. Phần mềm này được cập nhật và chỉnh sửa phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật về tố tụng.

Thứ hai, tương tự như phương pháp thứ nhất, phương pháp quản lý thời gian tố tụng bằng phần mềm Excel, một phần mềm thông dụng, phổ biến trong các máy tính cá nhân, do Bộ phận hành chính tư pháp tại các toà nhập liệu và quản lý. Các TAND Quận 5, TAND tỉnh Bình Dương, TAND Tp. Thủ Dầu Một, TAND Tp. Hải Phòng và TAND Quận Hồng Bàng đều đang áp dụng việc quản lý thời gian tố tụng bằng phần mềm Excel. Nội dung của các phần mềm Excel này đều được xây dựng dựa trên các tiêu chí, quy định về thời hạn tố tụng và hướng dẫn nghiệp vụ của TANDTC. Một số Toà án có đưa thêm chức năng cảnh báo quá hạn thời gian giải quyết vụ án cho Thẩm phán vào trong các bảng Excel để lãnh đạo Toà án, Thẩm phán được biết (như TAND tỉnh Bình Dương, TAND Tp. Hải Phòng và TAND Quận Hồng Bàng).

Thứ ba, phương pháp quản lý thời gian tố tụng bằng phần mềm quản lý do TANDTC xây dựng và áp dụng thí điểm trong năm 2018. Bộ phận hành chính tư pháp cập nhật thông tin đơn khởi kiện vào phần mềm. Thẩm phán và thư ký được phân công giải quyết vụ án tiếp tục tự cập nhật thông tin trong quá trình giải quyết. Chỉ người thực hiện thao tác cập nhật thông tin mới có quyền chỉnh sửa thông tin. Phần mềm có hạn chế trong việc chưa có chế độ phân cấp người dùng (như khác biệt giữa Thẩm phán và thư ký Tòa). Ngoài ra, hệ thống truy cập có rủi ro bị quá tải nếu có quá nhiều người truy cập vào cùng một thời điểm.

Thứ tư, phương pháp quản lý thời gian bằng sổ nghiệp vụ truyền thống vẫn được duy trì ở nhiều Toà án khác trên toàn quốc. Tại các Toà án được khảo sát, Bộ phận hành chính tư pháp cũng vẫn cập nhật các thông tin về tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, phân công án và quản lý thời gian tố tụng bằng sổ giấy.

Một thực tiễn tốt trong việc quản lý thời gian giải quyết vụ án là TAND tỉnh Bình Dương với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 trong các lĩnh vực giải quyết án: Hình sự, hành chính, dân sự, kinh doanh thương mại, lao động; giải quyết khiếu nại giám đốc thẩm, tái thẩm kể từ năm 2008, như đã nêu ở phần trên. Đến tháng 08/2012 hệ thống quản lý chất lượng này đã được chuyển đổi sang phiên bản TCVN ISO 9001:2008. Hiện nay, TAND tỉnh Bình Dương đang tiếp tục duy trì, cải tiến hệ

thống nhằm tạo mọi thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi đến liên hệ giải quyết công việc tại Tòa án⁹⁴. Mô hình này là khá đặc thù và duy nhất trên toàn quốc.

Ưu việt của các Tòa án đã áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thời gian vụ án là đã mô hình hoá, tiêu chuẩn hoá các bước, khoảng thời gian giải quyết vụ án theo quy định tố tụng, hướng dẫn nghiệp vụ của TANDTC và pháp luật liên quan nên việc quản lý thời gian được sát sao.

Bên cạnh công tác giám sát trong nội bộ hệ thống Tòa án nhân dân về quản lý thời gian giải quyết vụ án dân sự nói chung, kinh doanh thương mại nói riêng thì công tác giám sát thời gian giải quyết vụ án còn thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát⁹⁵. Cơ chế này góp phần nâng cao chất lượng quản lý thời gian giải quyết vụ án. Ngoài ra, BLTTDS 2015 cũng bổ sung thêm một số chế định mới để luật sư, đương sự có thể tham gia thúc đẩy việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, như chế định phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (sẽ phân tích cụ thể ở dưới đây).

2.3.2. Công khai quy trình giải quyết vụ án

Một trong những phương pháp quản lý thời gian vụ án là công khai quy trình giải quyết vụ án để đương sự, người tham gia tố tụng khác (như luật sư) và cả Thẩm phán, cán bộ Tòa án nắm được. Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh thương mại phát triển, nhu cầu của đương sự trong việc được cung cấp thông tin về khung pháp luật bảo vệ hoạt động kinh doanh thương mại, bao gồm cả thông tin về quy trình xử lý tranh chấp tại TAND càng cấp thiết. Hiện nay các thông tin về quy trình giải quyết vụ án được công khai chủ yếu qua 02 (hai) kênh: (i) qua Cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của Tòa án; (ii) qua các bảng tin tại trụ sở TAND.

⁹⁴ Trang thông tin điện tử TAND tỉnh Bình Dương, <https://binhduong.toaan.gov.vn/webcenter/portal/binhduong/gioithieu?dDocName=TAND018807>

⁹⁵ BLTTDS 2015, Điều 13; Điều 21, khoản 2; Điều 58

Qua khảo sát, Nhóm nghiên cứu nhận thấy hiện nay chưa có quy định cụ thể về công khai tổng thể quy trình giải quyết vụ án mà chỉ có những quy định/hướng dẫn công khai từng bước độc lập trong quy trình giải quyết vụ án (ví dụ như nộp đơn khởi kiện hay kháng cáo) mặc dù hệ thống Tòa án nhân dân đã xác định thực hiện “*công khai hoá thủ tục tiếp cận hồ sơ, cung cấp tài liệu, thông tin, trích lục bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật*” kể từ năm 2005⁹⁶. Tuy nhiên, phương thức công khai, tiêu chí nội dung công khai quy trình giải quyết vụ án dân sự, kinh doanh thương mại hiện nay chưa được quy định rõ ràng, thống nhất trên toàn quốc.

Hộp 7: Nhận xét của doanh nghiệp về việc công khai thông tin và gửi văn bản tố tụng của Tòa án

Công ty A sau khi tìm hiểu quy trình nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh X cho biết bảng tin tại Tòa án này được xây dựng dưới dạng các tấm bảng trắng với thông tin được trình bày trên giấy khổ A4 với cỡ chữ tương đối nhỏ, khó đọc. Hơn nữa, các thông tin hướng dẫn chỉ trích nguyên văn quy định pháp luật mà không có hướng dẫn cụ thể quy trình tại Tòa án đó hoặc không được trình bày dưới dạng sơ đồ hoá.

Liên quan đến việc gửi, tổng đạt thông báo của Tòa án, Công ty A nhận xét rằng các văn bản tố tụng thường được gửi sát ngày diễn ra, khiến công ty không kịp chuẩn bị tài liệu.

Hộp 6: Kiosk thông tin tại các Tòa án ở Tp. Hồ Chí Minh

Các kiosk thông tin tại trụ sở TAND Tp. Hồ Chí Minh được trích xuất từ phần mềm quản lý vụ án kể từ khi nộp đơn khởi kiện. Người dân, doanh nghiệp chỉ cần nhập tên và năm sinh hoặc quét mã vạch trong Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện tại máy quét là đã có thể biết được vụ việc đã được thụ lý hay chưa và Thẩm phán nào phụ trách giải quyết vụ việc của mình. Các thông tin khác liên quan đến vụ án thì người dân, doanh nghiệp mới cần liên hệ Thẩm phán, thư ký Tòa án để biết thông tin. Những người không liên quan tới vụ án thì không thể tra cứu được thông tin.

Các TAND quận, huyện trong Tp. Hồ Chí Minh cũng tổ chức và duy trì các kiosk thông tin này. Kinh phí của hoạt động này do Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh hỗ trợ.

Qua khảo sát, phần lớn Tòa án duy trì bảng tin về những quy định pháp luật tố tụng, thông tin vụ án (bao gồm tất cả các lĩnh vực như hình sự, dân sự, ...), mẫu đơn, lịch xét xử, lịch công tác của Tòa án và các thông tin hoạt động nội bộ khác của Tòa án. Nghiên cứu tất cả các bảng tin của các Tòa án được khảo sát, Nhóm nghiên cứu nhận thấy hình thức trình bày các bảng tin không được sạch sẽ, dễ nhìn. Thông tin về TTHC tư pháp, quy trình tố tụng chủ yếu là sao chép lại quy định pháp luật (trừ bảng tin của TAND tỉnh Bình Dương có biểu đồ về quy trình tố tụng). Thông tin về các vụ án còn thiếu cập nhật và đương sự phải trực tiếp liên

hệ với Bộ phận hành chính tư pháp (trừ TAND Tp. Hồ Chí Minh, TAND Quận 5 có sử dụng kiosk điện tử)⁹⁷.

⁹⁶ Kế hoạch số 122/BCS

⁹⁷ Xem thêm báo cáo khảo sát của Viện Quản lý kinh tế trung ương – Dự án GIG, Khảo sát về việc thực thi Nghị quyết 19 của Chính phủ, 2017 – 2018

Như đã nêu ở trên, TAND Tp. Hồ Chí Minh và TAND Quận 5 là những thực tiễn tốt áp dụng phương tiện điện tử trong hoạt động công khai thông tin, như sử dụng các màn hình kiosk, mã vạch của để người dân dễ tra cứu thông tin và bảo mật thông tin. Bên cạnh đó, TANDCC Hà Nội cũng thực hiện việc công khai thông tin về giải quyết vụ án bằng cách trích xuất thông tin về vụ án từ phần mềm quản lý thời gian giải quyết vụ án ra 02 (hai) màn hình điện tử được lắp đặt tại sảnh của Tòa án. Bên cạnh đó, người dân có thể tra cứu thông tin qua trang thông tin điện tử của TANDCC Tp. Hà Nội⁹⁸ hoặc thông qua việc trao đổi với cán bộ của Bộ phận tiếp nhận đơn. Cán bộ của Bộ phận tiếp nhận đơn cũng dựa trên thông tin của vụ án được lưu trong phần mềm quản lý thời gian giải quyết vụ án để thông báo cho người dân.

Như đã nêu ở trên, thông tin được cung cấp thông qua các trang thông tin điện tử của các Tòa án hiện nay đã có nhiều cải thiện hơn so với thời gian trước. 63 (sáu mươi ba) TAND cấp tỉnh và 03 (ba) TAND cấp cao đã có trang thông tin điện tử. Tuy nhiên, Nhóm nghiên cứu nhận thấy nhiều trang thông tin điện tử của Tòa án địa phương hiện nay chưa có mục hướng dẫn chung về TTHC tư pháp, quy trình tố tụng đối với một vụ án, mẫu đơn cho các loại vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật liên quan. Chất lượng công khai thông tin không đồng đều giữa các Tòa án. Phần lớn các trang thông tin điện tử chưa cập nhật đầy đủ hoặc không cập nhật thông tin về lịch xét xử, lịch làm việc của lãnh đạo và chỉ dẫn người dân. Phần biểu mẫu thường có thông tin không hữu dụng đối với cho người dân. Nếu so sánh về mức độ dịch vụ hành chính công trực tuyến (xem **Hộp 5: Mức độ về dịch vụ công trực tuyến**), nhiều trang thông tin điện tử của TAND cấp tỉnh chưa đáp ứng được mức độ 2⁹⁹.

Mới đây, vào ngày 22/10/2018, TANDTC đã cho ra mắt giao diện mới của Cổng thông tin điện tử TANDTC có kết nối tới 66 trang thông tin điện tử của TAND tỉnh và TANDCC. Cổng thông tin điện tử TANDTC còn được xây dựng phiên bản tiếng Anh, liên kết với Cổng thông tin điện tử ASEAN¹⁰⁰. Giao diện của Cổng thông tin điện tử của TANDTC tương đối khoa học, dễ sử dụng hơn trước đây.

⁹⁸ Trang thông tin điện tử của TANDCC Hà Nội:

<https://capcaohanoi.toaan.gov.vn/webcenter/portal/capcaohanoi/home>

⁹⁹ Nhóm nghiên cứu đã tiến hành lựa chọn khảo sát các trang thông tin điện tử của các TAND tỉnh/thành phố: Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vĩnh Long, Thừa Thiên - Huế, Bình Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bắc Ninh, Hải Dương và 03 TAND cấp cao: TANDCC Hà Nội, TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh, TAND cấp cao tại Thành phố Đà Nẵng để có sự so sánh về chất lượng hoạt động công khai thông tin của các các Tòa án được khảo sát và các Tòa án cùng cấp.

¹⁰⁰ Huy Vũ (2018), sđd

2.3.3. Áp dụng các biện pháp rút gọn thời gian giải quyết vụ án

Như đã phân tích ở trên, thời gian giải quyết vụ việc là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng tới nhận thức của doanh nghiệp về công lý và chất lượng hoạt động của TAND¹⁰¹. BLTTDS 2015 mới bổ sung một số biện pháp nhằm rút gọn thời gian giải quyết vụ án, bao gồm (i) áp dụng thủ tục rút gọn trong quy trình tố tụng và (ii) phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn có những nguyên nhân dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án hiện hành.

2.3.3.a. Áp dụng thủ tục rút gọn

Thủ tục rút gọn (**TTRG**) trong quy trình tố tụng được áp dụng dựa trên sự khác biệt về tính chất của các vụ tranh chấp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và phân phối nguồn lực của Tòa án một cách hợp lý và hiệu quả. Tại Việt Nam, các vụ án trong lĩnh vực thương mại có thể được giải quyết theo TTRG khi đáp ứng **đủ** các điều kiện sau¹⁰²:

- Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ;
- Các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng;
- Không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, trừ trường hợp đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn hoặc các đương sự đã xuất trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản.

Có thể nhận thấy, các điều kiện để áp dụng TTRG là những yêu cầu của công tác hành chính tư pháp (công tác hành chính mang tính chất hỗ trợ hoạt động xét xử tại Tòa án), như thu thập chứng cứ, xác định địa chỉ của đương sự, xác minh tài sản...

Theo BLTTDS 2015, sau khi thụ lý vụ án theo TTRG, trong thời hạn không quá 01 (một) tháng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải ra quyết định đưa vụ

¹⁰¹ Theo Báo cáo nghiên cứu *Tính liên chính của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại - Góc nhìn thực tế của VCCI* vào năm 2017, thời gian giải quyết vụ án là nhân tố quan trọng nhất khi cân nhắc lựa chọn/không lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án (Xem Biểu đồ số 12. Lý do doanh nghiệp không chọn phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án – so sánh giữa các doanh nghiệp đã và chưa sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án)

¹⁰² BLTTDS 2015, Điều 317

án ra xét xử theo thủ tục rút gọn và mở phiên tòa xét xử trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ra quyết định¹⁰³. Thời hạn ra quyết định và mở phiên tòa xét xử vụ án theo TTRG ngắn hơn so với các thời hạn tương ứng khi tiến hành xét xử theo thủ tục thông thường (lần lượt là tối đa 03 (ba) tháng kể từ ngày thụ lý vụ án¹⁰⁴ và tối đa 02 (hai) tháng kể từ ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử¹⁰⁵ đối với vụ án trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại). Việc xét xử sơ thẩm vụ án theo TTRG do một Thẩm phán tiến hành¹⁰⁶. Mức án phí khi xét xử theo TTRG bằng 50% mức án phí khi xét xử theo thủ tục thông thường¹⁰⁷.

Mặc dù có nhiều điểm ưu việt nhưng trên thực tế, TTRG lại không thường xuyên được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án. Có ý kiến của Thẩm phán và luật sư cho rằng dù vụ án có đủ điều kiện để tiến hành giải quyết tranh chấp theo TTRG nhưng Thẩm phán vẫn lựa chọn giải quyết theo trình tự, thủ tục tố tụng thông thường với một số nguyên nhân như:

Thứ nhất, BLTTDS 2015 quy định Thẩm phán phải “*tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo TTRG nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo TTRG*”¹⁰⁸. Ngay từ khi thông báo về việc thụ lý vụ án, Thẩm phán đã phải xác định vụ án được thụ lý theo thủ tục thông thường hay theo TTRG¹⁰⁹. Như vậy, Thẩm phán phải xác định vụ án có đủ điều kiện áp dụng TTRG hay không vào thời điểm **trước khi thụ lý vụ án**. Tuy nhiên, việc xác định chính xác một vụ án có đáp ứng một số điều kiện như: “*đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ*”, “*các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng*” rất khó khăn khi mà Thẩm phán chưa gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết và phản hồi. Kể cả điều kiện “*không có đương sự cư trú ở nước ngoài*” cũng không đơn giản để xác minh ngay sau thời điểm tiếp nhận đơn khởi kiện¹¹⁰. Có thể thấy những lý do này hoàn toàn xuất phát từ khả năng đáp ứng của công tác hỗ trợ xét xử hay nói cách khác là công tác hành chính tư pháp.

¹⁰³ BLTTDS 2015, Điều 318, khoản 1

¹⁰⁴ BLTTDS 2015, Điều 203, khoản 1

¹⁰⁵ BLTTDS 2015, Điều 203, khoản 4

¹⁰⁶ BLTTDS 2015, Điều 65

¹⁰⁷ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 6, khoản 2

¹⁰⁸ BLTTDS 2015, Điều 191, khoản 3, điểm b

¹⁰⁹ BLTTDS 2015, Điều 196, khoản 2, điểm đ

¹¹⁰ Mai Thoa (2015), *Đề xuất cơ chế, mô hình giải quyết vụ, việc dân sự theo thủ tục rút gọn*, Báo Công lý, <https://congly.vn/hoat-dong-toa-an/tieu-diem/de-xuat-co-che-mo-hinh-giai-quyet-vu-viec-dan-su-theo-thu-tuc-rut-gon-105338.html>;

Nguyễn Huy Hoàng (2018), *Vướng mắc về thủ tục rút gọn*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/vuong-mac-ve-thu%25cc%2589-tu%25cc%25a3c-rut-go%25cc%25a3n>

Thứ hai, trong trường hợp việc xét xử vụ án theo TTRG đã được thông báo trong Thông báo về việc thụ lý vụ án và trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo TTRG, vụ án vẫn có thể được chuyển về xét xử theo thủ tục thông thường dựa trên khiếu nại của đương sự hoặc kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp¹¹¹. BLTTDS 2015 hiện nay chưa có quy định về việc chuyển giải quyết vụ án từ thủ tục thông thường sang TTRG cũng như chưa có quy định đặc thù về khiếu nại, kiến nghị quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục thông thường nếu vụ án có đủ điều kiện xét xử theo TTRG¹¹². Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của đương sự nếu vụ án của họ có đủ điều kiện thụ lý theo TTRG nhưng Thẩm phán không tiến hành áp dụng thủ tục này¹¹³.

Thứ ba, Tòa án cũng có thể chuyển việc giải quyết vụ án từ TTRG sang thủ tục thông thường khi phát hiện một số tình tiết mới trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Thực tiễn cho thấy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thường kéo dài thời gian giải quyết vụ án và tăng tính phức tạp của vụ án, từ đó có thể dẫn đến việc Thẩm phán quyết định chuyển vụ án từ TTRG sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Điều này đã tạo ra tâm lý e ngại cho các đương sự khi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp vụ án của các đương sự đang được áp dụng TTRG¹¹⁴.

Qua việc khảo sát, Nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng các Tòa được khảo sát đều chưa giải quyết vụ án kinh doanh thương mại nào theo TTRG. Toàn bộ các luật sư được phỏng vấn cho biết là họ chưa có bất kỳ một vụ việc dân sự hay một vụ án kinh doanh thương mại nào được áp dụng TTRG mặc dù có luật sư cũng đã từng đề nghị được áp dụng TTRG trong vụ việc của mình.

2.3.3.b. Phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

Phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (**Phiên họp**) là một thủ tục mới được ghi nhận tại BLTTDS 2015. Phiên họp được tiến hành trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm (trừ trường hợp vụ án được thụ lý theo TTRG) nhằm xác định lại các yêu cầu của các đương sự, các vấn đề thống nhất và chưa thống nhất cũng như giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải.

¹¹¹ BLTTDS 2015, Điều 319, khoản 2, điểm a

¹¹² Điều 499 BLTTDS 2015 có quy định về khiếu nại, tố cáo nói chung nhưng chưa có quy định cụ thể cho trường hợp nêu trên

¹¹³ Nguyễn Huy Hoàng (2018), sđd

¹¹⁴ Hồ Nguyễn Quân (2017), *Một số vấn đề về thủ tục rút gọn trong Bộ luật TTDS năm 2015*, Bộ Tư pháp, <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2139>

Quy định về Phiên họp đã góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo mọi chứng cứ đều được công khai trong quá trình tố tụng, nâng cao trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong tố tụng dân sự, tạo sự công bằng trong tiếp cận chứng cứ đối với đương sự để họ có sự chuẩn bị cần thiết cho việc tranh tụng trong hoạt động tố tụng dân sự, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp. Qua đó nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa cũng như chất lượng giải quyết các vụ án dân sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp¹¹⁵. Phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được coi là một trong những đột phá của thủ tục tố tụng dân sự, tiếp thu ưu điểm của mô hình tố tụng tranh tụng vào mô hình tố tụng thẩm vấn. Nếu Phiên họp được thực hiện tốt thì sẽ giảm nhẹ được rất nhiều các công tác hành chính tư pháp hỗ trợ xét xử, như giao nộp và trao đổi chứng cứ, xác minh chứng cứ... và nâng cao khả năng rút ngắn thời gian giải quyết vụ án. Tuy nhiên, qua khảo sát Thẩm phán và luật sư cho thấy chế định về Phiên họp này vẫn còn một số vấn đề cần hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, cách thức quy định về việc tổ chức Phiên họp chưa thực sự đảm bảo quyền của đương sự trong việc đưa ra yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập. Nguyên nhân là bởi BLTTDS 2015 quy định đương sự phải đưa ra yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập *trước thời điểm* Tòa án mở Phiên họp để tiến hành bàn luận những yêu cầu này tại Phiên họp¹¹⁶. Do đó, trong trường hợp sau khi thụ lý vụ án một thời gian ngắn, Thẩm phán đã tổ chức Phiên họp và chỉ mở Phiên họp một lần thì thời gian để đương sự cân nhắc, thực hiện quyền yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập sẽ bị hạn chế rất nhiều. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay trong nhiều vụ án, chỉ sau khi tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự, luật sư mới có đủ thông tin để quyết định việc có đưa ra yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập. Do đó, quy định này vô hình chung đã phần nào cản trở đương sự đưa ra yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.¹¹⁷

Thứ hai, quy định chưa cụ thể của BLTTDS 2015 về việc hoãn Phiên họp có thể dẫn tới việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Theo quy định, trong vụ án có nhiều đương sự mà có một đương sự vắng mặt, nếu các đương sự đề nghị hoãn Phiên họp để đợi tập hợp tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn Phiên họp¹¹⁸.

¹¹⁵ Xem thêm Đoàn Thị Sớm (2018), *Một số vướng mắc, bất cập trong quy định về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015*, Trang thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, <http://vksndthaibinh.gov.vn/Article/2203/Mot-so-vuong-mac-bat-cap-trong-quy-dinh-ve-phiên-hop-kiem-tra-viec-giao-nop-tiep-can-cong-khai-.html>

¹¹⁶ BLTTDS 2015, Điều 210, khoản 2, điểm a; Điều 200, khoản 3; Điều 201, khoản 2

¹¹⁷ Xem thêm Đoàn Thị Sớm (2018), sđd

¹¹⁸ BLTTDS 2015, Điều 209, khoản 3

Pháp luật chưa quy định giới hạn số lần hoãn Phiên họp trong một vụ án. Có trường hợp, đương sự hoặc luật sư đã lạm dụng sự vắng mặt trong Phiên họp để trì hoãn việc giải quyết vụ án.

2.3.3.c. Hoãn phiên tòa

Thực tiễn về việc hoãn phiên tòa nhiều lần hoặc kéo dài đã làm ảnh hưởng nhiều đến thời gian giải quyết vụ án dân sự, kinh doanh thương mại. Thực tiễn này đã gây nên những khó khăn trong công tác của Tòa án cũng như các bên liên quan, gây mất niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào hoạt động của Tòa án. Trong nhiều năm qua, hệ thống Tòa án nhân dân đã có nhiều nỗ lực để hạn chế tình trạng hoãn phiên tòa tùy tiện¹¹⁹. BLTTDS 2015 đã quy định rõ ràng và giới hạn các trường hợp Hội đồng xét xử được hoãn phiên tòa, bao gồm các trường hợp (i) khi thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, người giám định, người phiên dịch; hoặc (ii) khi đương sự hoặc người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt *khi Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất* hoặc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không có đơn xin xét xử vắng mặt *khi Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai*¹²⁰.

Tuy nhiên, việc áp dụng quy định nêu trên vẫn tồn tại hạn chế, vướng mắc trên thực tế. Có ý kiến của cả Thẩm phán và luật sư cho biết, BLTTDS 2015 có quy định về hoãn phiên tòa trong trường hợp Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chưa có quy định về việc hoãn phiên tòa trong những lần triệu tập tiếp theo. Việc không giới hạn số lần triệu tập họp lệ và số lần hoãn phiên tòa cụ thể, đặc biệt đối với các vụ án có nhiều đương sự hoặc nhiều bên tham gia tố tụng thì sẽ dẫn đến tình trạng lần lượt từng đương sự hoặc luật sư xin hoãn phiên tòa vì lý do bất khả kháng. Hậu quả, việc giải quyết vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những đương sự khác¹²¹.

Để hạn chế tình trạng phải hoãn phiên tòa do không thể xác định địa chỉ của bị đơn trong các vụ án kinh doanh thương mại, TAND tỉnh Bình Dương đã kết hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương trong việc xác minh địa chỉ bị đơn là doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp để kịp thời tổng đạt văn bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, các Tòa án địa phương, nhất là các Tòa án cấp

¹¹⁹ Công văn số 240/TH của Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/07/1992 về việc hoãn phiên tòa

¹²⁰ BLTTDS 2015, Điều 56, khoản 2; Điều 62, khoản 2; Điều 84, khoản 2; Điều 227; Điều 229, khoản 2; Điều 230, khoản 2; Điều 231, khoản 2 và Điều 241

¹²¹ Bùi Trang (2016), *Tòa xử kéo dài, phải có chế tài cho Thẩm phán*, Báo Đầu tư,

<https://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/toa-xu-keo-dai-phai-co-che-tai-cho-tham-phan-142589.html>

huyện, vẫn gặp khó khăn trong việc phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư tại địa phương của mình cũng như tại các địa phương khác trong việc xác minh địa chỉ bị đơn.

Các luật sư cũng cho biết có tình trạng hoãn phiên toà nhiều lần, gây kéo dài thời gian giải quyết vụ án vẫn diễn ra. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, nguyên nhân của tình trạng hoãn phiên toà trong các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại chủ yếu xuất phát từ các bên đương sự, luật sư với nhiều lý do, như bổ sung chứng cứ, bổ sung người có liên quan, vắng mặt người đại diện, vắng mặt luật sư..., mặc dù BLTTDS 2015 đã có chế định mới về Phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhằm hạn chế các bên tham gia tố tụng cố ý kéo dài thời gian thông qua việc cung cấp chứng cứ như phân tích ở trên. Như đã phân tích ở trên, các Thẩm phán vẫn tạo điều kiện cho đương sự được có thêm cơ hội để bổ sung chứng cứ, bảo đảm quyền tranh tụng của đương sự, từ đó dẫn đến việc hoãn phiên toà.

Hiện nay, TANDTC đang áp dụng thí điểm hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án để có thể rút ngắn hơn thời gian giải quyết vụ án, tiết kiệm đáng kể về chi phí cho các đương sự và Tòa án. Chỉ thị số 04/2017/CT-CA của Chánh án TANDTC đặt ra chỉ tiêu hòa giải thành của các Thẩm phán: *“Phán đấu số lượng vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động được hòa giải thành so với số lượng vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết trong một năm đạt tỷ lệ từ 60% trở lên”* cũng như phát động phong trào thi đua để bình xét các danh hiệu thi đua theo hướng coi trọng công tác hòa giải với tiêu chí *“01 vụ án hòa giải thành được tính chỉ tiêu thi đua bằng 02 vụ án đã xét xử”*.

2.3.4. Một số phân tích, nhận định về công tác quản lý thời gian giải quyết vụ án

Công tác quản lý thời gian giải quyết vụ án để bảo đảm xét xử nhanh chóng nhưng thấu đáo, công bằng luôn luôn được nghiên cứu để hoàn thiện và phát triển¹²². Kiểm soát chặt chẽ thời gian giải quyết tranh chấp hoặc rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp là ưu tiên của nhiều quốc gia trong việc nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh. Hơn 90 quốc gia trên thế giới có quy định pháp luật rõ ràng, chặt chẽ về thời gian giải quyết vụ án¹²³.

¹²² Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; UNODC (2011), sđd, trang 45; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd

¹²³ Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 15

Mặc dù BLTTDS 2015 đã có những thay đổi để Viện kiểm sát, luật sư cũng tham gia vào quá trình kiểm soát thời gian giải quyết vụ án nhưng vai trò kiểm soát này vẫn chủ yếu phụ thuộc vào chính hệ thống Tòa án. Một cơ chế quản lý thời gian giải quyết vụ án hiệu quả, dù bằng giấy theo phương pháp truyền thống hay bằng công nghệ thông tin cũng là một chỗ dựa tốt cho công việc của Thẩm phán. Kinh nghiệm của TAND tỉnh Bình Dương là ví dụ điển hình về việc sơ đồ hoá quy trình tố tụng, đánh giá thường xuyên về khả năng đáp ứng của Thẩm phán đối với quy trình tố tụng. Việc sơ đồ hóa quy trình và đánh giá năng lực của TAND tỉnh Bình Dương được dựa theo phương pháp đánh giá của hệ thống quản lý chất lượng của TCVN ISO 9001:2008 trong công tác quản lý việc giải quyết vụ án. Qua khảo sát, các Tòa án khác cũng có những hoạt động tương tự như lãnh đạo yêu cầu Thẩm phán, Bộ phận hành chính tư pháp phải cập nhật hàng tuần về tình trạng giải quyết của các Thẩm phán để thúc đẩy các Thẩm phán phải giải quyết các vụ án trong thời hạn luật định. Sử dụng công nghệ thông tin (phần mềm) để quản lý thời gian giải quyết vụ án nói riêng và xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Tòa án nói chung là một xu hướng chung của nhiều quốc gia¹²⁴.

Tại Hội nghị Hội đồng Chánh án ASEAN (CACJ)¹²⁵ lần thứ 5 diễn ra tại Brunei (tháng 3/2017), Tòa án Malaysia và Singapore cam kết tiếp tục chia sẻ kinh nghiệm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại Tòa án cho các Tòa án thành viên¹²⁶. Hiện nay, nhiều Tòa án trên thế giới đang áp dụng mô hình phần mềm quản lý vụ án để hỗ trợ các Thẩm phán cũng như đội ngũ nhân lực tại Tòa án có thể kiểm soát và phân bổ thời gian xét xử các vụ án một cách hợp lý và tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp¹²⁷.

Để nâng cao hiệu quả của công tác rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, BLTTDS 2015 đã giới thiệu TTRG trong tố tụng dân sự như đã nêu ở trên. Các tiêu chí áp dụng

¹²⁴ Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; UNODC (2011), sđd, trang 45; xem thêm Nguyễn Hưng Quang, (2018), sđd

¹²⁵ CACJ tiền thân là Hội nghị các Chánh án ASEAN (ACJM) và được lên ý tưởng và tổ chức cuộc họp lần đầu tại Singapore (23/08/2013). CACJ được thành lập nhằm tạo một diễn đàn cho các Chánh án trong khu vực ASEAN được trình bày, thảo luận về các vấn đề thuộc ngành tư pháp và sự phát triển chung, hợp tác chung giữa các nước. Hội nghị CACJ được tổ chức hàng năm. Việt Nam là nước chủ nhà của Hội nghị CACJ thứ tư năm 2016 (Hội nghị thứ 4). Thông tin chi tiết về Hội nghị CACJ xin xem tại <https://cacj-ajp.org/>

¹²⁶ HTQT, *Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tham dự Hội nghị Hội đồng Chánh án các nước ASEAN (“CACJ”) lần thứ 5 tại Brunei*,

http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?p_page_id=1753011&pers_id=11723751&folder_id=&item_id=193985437&p_details=1

¹²⁷ Website của TAND tối cao Hàn Quốc, Hệ thống Tòa án điện tử (E-Court System), Hệ thống Quản lý Vụ án (Case Management Systems – CMS), <https://eng.scourt.go.kr/eng/judiciary/eCourt/case.jsp>; Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; UNODC (2011), sđd, trang 45; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd

TTRG của Việt Nam tại BLTTDS 2015 chỉ tập trung vào mức độ phức tạp của vụ án mà không chấp thuận áp dụng cho các vụ án có giá trị nhỏ (small claim), ví dụ như tại các nước EU (trừ Đan Mạch), các tranh chấp mà yêu cầu của đương sự không vượt quá 5,000 Euro sẽ đủ điều kiện xử lý theo TTRG¹²⁸; tại Singapore, các tranh chấp mà yêu cầu của đương sự tối đa từ 10,000 đến 20,000 Đô-la Singapore sẽ được *Tòa án chuyên trách những vụ việc có giá trị nhỏ* xử lý¹²⁹. 133/181 nền kinh tế được Ngân hàng Thế giới khảo sát đã áp dụng cơ chế chuyên trách giải quyết các vụ án tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại có giá trị nhỏ (small claim courts) hoặc có TTRG trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại¹³⁰.

Công khai thông tin về các hoạt động của Tòa án cũng như các thông tin liên quan đến công tác giải quyết vụ án có ý nghĩa rất lớn để người dân, doanh nghiệp, luật sư kiểm soát được thời gian giải quyết vụ án cùng với Tòa án và tăng cường tính minh bạch, liêm chính trong hoạt động của Tòa án¹³¹. Như đã phân tích ở các phần ở trên, các TAND nếu có website riêng thì cần công khai thông tin về tình hình thụ lý đơn, lịch biểu xét xử và các thông tin liên quan đến tình hình giải quyết vụ án để đương sự có thể tiếp cận được từ xa mà không cần thiết phải tới trụ sở của Tòa án. Điều này rất có ý nghĩa trong trường hợp có thiên tai, dịch bệnh hoặc các sự kiện bất khả kháng hoặc người dân phải di chuyển khó khăn tới trụ sở của Tòa án. Hơn nữa, trong xu thế của cách mạng công nghiệp 4.0, việc cung cấp thông tin về tình hình giải quyết án/việc cũng có thể được hiểu là một biện pháp để Tòa án được “gần dân, giúp dân” trong thời đại công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, trước khi có thể áp dụng công nghệ thông tin trên toàn quốc, các Tòa án vẫn có thể duy trì các bảng tin truyền thống bởi nếu bảng tin được trình bày tốt, cập nhật thường xuyên và sạch sẽ thì cũng thu hút được người dân, doanh nghiệp tiếp cận, giúp giảm bớt khối lượng công việc giải đáp thông tin cho cán bộ của Tòa án và tăng cường tính minh bạch về hoạt động của Tòa án. Nhiều bộ phận “một cửa” của các cơ quan hành chính nhà nước hiện nay đang thực hiện khá tốt công tác này.

Để kiểm soát được thông tin về bí mật cá nhân và doanh nghiệp, hệ thống kiểm tra thông tin vụ án bằng mã vạch của TAND Quận 5 và TAND Tp. Hồ Chí Minh được đánh giá là những thực tiễn tốt.

¹²⁸ European Small Claims procedure,

https://europa.eu/youreurope/business/sell-abroad/resolving-disputes/small-claims/index_en.htm

¹²⁹ State Courts of Singapore, *About the small claim tribunals*,

<https://www.statecourts.gov.sg/SmallClaims/Pages/GeneralInformation.aspx>.

¹³⁰ Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd

¹³¹ Ban Nội chính Trung ương (2017), sđd, trang 16, 17; UNODC (2011), sđd, trang 45

Tiểu kết 3: Quản lý thời gian giải quyết vụ án

1. Trong nhiều năm qua, TANDTC đã có nhiều nỗ lực, biện pháp để quản lý thời gian giải quyết vụ án. Trên cơ sở đó, BLTTDS 2015 cải cách đáng kể công tác quản lý thời gian giải quyết vụ án dân sự nói chung và kinh doanh thương mại nói riêng. Có nhiều phương pháp tốt để quản lý thời gian giải quyết vụ án, như hệ thống quản lý chất lượng của TCVN ISO 9001:2008 của TAND tỉnh Bình Dương. Các Toà án cũng có ý thức trong việc quản lý thời gian giải quyết vụ án tổ tụng chuyên biệt, xây dựng phần mềm quản lý thời gian chuyên biệt hoặc trên nền tảng Excel hay sử dụng phần mềm do TANDTC thí điểm. Việc quản lý thời gian, hồ sơ vụ án bằng phần mềm tổ tụng, thiết bị tra cứu mã vạch cho thấy những ưu điểm đáng kể như tại TAND Tp. Hồ Chí Minh hay TAND Quận 5. Tuy nhiên, xây dựng phần mềm chuyên biệt đòi hỏi sự đầu tư về nhân lực, thời gian, công sức, kinh phí và đặc biệt là chuẩn hoá quy trình.

2. Công khai thông tin về các hoạt động của Toà án có ý nghĩa rất lớn để các bên liên quan cùng kiểm soát được thời gian, quy trình giải quyết vụ án cùng với Toà án và tăng cường tính minh bạch về hoạt động của Toà án. Việc cung cấp thông tin tình hình giải quyết án/việc cho người dân, doanh nghiệp bằng phương tiện điện tử cũng có thể được hiểu là một biện pháp để Toà án được “gần dân, giúp dân” trong thời đại công nghệ thông tin.

3. Các bảng tin đặt tại trụ sở Toà án cần luôn được cập nhật và giữ gìn sạch sẽ để người dân, doanh nghiệp có được cảm nhận tốt ngay với hoạt động của Toà án. Trang thông tin điện tử của Toà án (trừ TANDTC) cần phải có cán bộ chuyên trách, bao gồm cán bộ kỹ thuật và thư ký Toà án để cập nhật thường xuyên thông tin về giải quyết vụ án, thủ tục tổ tụng, biểu mẫu pháp lý cần sử dụng trong hoạt động tổ tụng. TAND Tp. Hồ Chí Minh là một thực tiễn tốt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để công khai quy trình giải quyết vụ án (qua các màn hình kiosk).

4. Cần phải có các biện pháp để áp dụng thủ tục rút gọn và phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhằm rút ngắn các thời gian giải quyết vụ án.

2.4. Cấp trích lục, giao, gửi bản án và công khai bản án

2.4.1. Cấp trích lục, giao, gửi bản án

Được cấp trích lục bản án, nhận bản án, quyết định của Tòa án là một trong những quyền của đương sự khi tham gia tố tụng¹³². Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên tòa, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện được Tòa án *cấp trích lục bản án*; trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải *giao hoặc gửi bản án* cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp¹³³.

Qua khảo sát trên thực tế, việc thực hiện cấp trích lục, giao gửi bản án tại các Tòa án được khảo sát đều được thực hiện theo đúng quy định pháp luật và chủ yếu được cấp/gửi/giao trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Để đảm bảo không chậm trễ trong việc gửi bản án, TAND Tp. Hải Phòng thực hiện việc gửi bản án sớm hơn thời hạn cuối cùng của BLTTDS 2015¹³⁴. Các bộ phận chuyên môn sau khi xét xử phải bàn giao bản án xuống bộ phận văn phòng trước khi hết hạn luật định 05 (năm) ngày. Đối với TAND Tp. Hồ Chí Minh là nơi xét xử nhiều vụ án phức tạp, đặt biệt là các vụ án về kinh doanh thương mại, TAND Tp. Hồ Chí Minh không đặt ra các thời hạn ngắn hơn quy định của BLTTDS 2015 vì khối lượng bản án ban hành lớn, nhiều bản án dài, có tính chất phức tạp nên cần phải rà soát kỹ càng.

Hộp 8: Công bố công khai bản án tại TAND tỉnh Vĩnh Long (2012)

Trong giai đoạn 2011-2012 (trước khi có Nghị quyết 03/2017/HĐTP), TAND tỉnh Vĩnh Long đã tập hợp các bản án phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của TAND tỉnh Vĩnh Long ban hành hoặc của Tòa án nhân dân tối cao ban hành (đối với các bản án, quyết định chỉnh sửa hoặc huỷ bỏ bản án, quyết định của các TAND thuộc tỉnh Vĩnh Long) thành các tuyển tập theo từng lĩnh vực: hình sự, dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại và lao động. Mục tiêu của việc tập hợp này gồm: (i) giúp các Thẩm phán, cán bộ Tòa án có được tài liệu để nắm được cách áp dụng pháp luật, phân tích vụ án và các nghiệp vụ xét xử; (ii) giúp cho các cơ quan nhà nước ở địa phương hiểu được công tác xét xử; (iii) giúp cho việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật ở địa phương. Tuyển tập các bản án này đã được in và phát cho các TAND và cơ quan hành chính nhà nước. Hoạt động này đã được đánh giá cao ở Vĩnh Long. Chất lượng xét xử được cải thiện. Một số cơ quan hành chính đã hỗ trợ hoạt động xét xử, hạn chế những can thiệp vào hoạt động xét xử.

Báo cáo đánh giá hợp phần 2: Cải cách hành chính tư pháp – Kinh nghiệm từ ba Tòa án thí điểm của Dự án hỗ trợ cải cách tư pháp từ cơ sở, 2012

¹³² BLTTDS 2015, Điều 70, khoản 21; Điều 71, khoản 1

¹³³ BLTTDS 2015, Điều 269, khoản 1, khoản 2

¹³⁴ BLTTDS 2015, Điều 269, khoản 2

Theo một số luật sư, vẫn còn hiện tượng một số Tòa án chậm chuyển bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật tới các đương sự, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của người dân cũng như doanh nghiệp. Hoặc có trường hợp trong bản án mà đương sự nhận được, thông tin của đương sự như tên, địa chỉ chưa chính xác, bản án còn lỗi chính tả hay chưa đúng thể thức văn bản.

Tất cả các Tòa án đều có thể cấp trích lục bản án vừa mới xét xử ngay hoặc trước thời hạn của BLTTDS 2015¹³⁵ vì các bản án mới đã được soạn thảo bằng máy tính. Việc trích lục các bản án trong giai đoạn trước đây thì thường lâu hơn.

Phương thức gửi bản án thông qua phương tiện điện tử theo quy định của Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP chưa được thực hiện trên thực tế vì nhiều lý do. Theo quy định, đương sự phải đáp ứng được một số điều kiện nhất định. Theo đó, nếu đương sự lựa chọn *gửi và nhận* thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án (bao gồm cả nhận bản án, quyết định của Tòa án) thì sẽ phải đáp ứng đủ các điều kiện giống như trường hợp nộp đơn khởi kiện bằng phương tiện điện tử đã được đề cập tại mục 2.1.3 của Báo cáo này. Trong trường hợp đương sự lựa chọn *chỉ nhận* thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo (bao gồm cả nhận bản án, quyết định của Tòa án) thì chỉ phải đáp ứng các điều kiện sau¹³⁶:

- Có địa chỉ thư điện tử để gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử đến và đi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Đã đăng ký tài khoản giao dịch điện tử thành công. Để đăng ký tài khoản, đương sự phải nộp trực tiếp tại Tòa án đơn đăng ký theo mẫu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.¹³⁷

Tương tự như vấn đề nộp đơn khởi kiện bằng phương tiện điện tử, những vấn đề liên quan tới việc cấp trích lục, giao, gửi bản án bằng phương tiện điện tử mới đang trong giai đoạn thí điểm (tại TANDCC, TAND Tp. Hà Nội, TAND Tp. Hải Phòng và TAND tỉnh Quảng Ninh¹³⁸). Trên thực tế tại thời điểm khảo sát (cuối năm 2018), các TAND được thí điểm việc gửi bản án qua phương tiện điện tử trong phạm vi khảo sát (bao gồm TANDCC Hà Nội, TAND Tp. Hải Phòng) vẫn chưa thực hiện việc gửi bản án bằng phương thức này. Tuy nhiên, tại thời điểm hoàn thiện Nghiên cứu này (tháng

¹³⁵ BLTTDS 2015, Điều 269, khoản 1

¹³⁶ Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, Điều 5, khoản 2

¹³⁷ Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, Điều 15. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án phải thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn đăng ký cho người nộp đơn. Trường hợp không được Tòa án chấp nhận, người nộp đơn căn cứ thông báo của Tòa án để sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký. Trường hợp được Tòa án chấp nhận, người nộp đơn căn cứ vào thông báo của Tòa án về tài khoản giao dịch để đổi mật khẩu tài khoản giao dịch đã được cấp lần đầu để bảo đảm an toàn, bảo mật

¹³⁸ Huy Vũ (2018), sđd

7/2020), hệ thống đăng ký trực tuyến cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án của TANDTC (<https://capsaobanan.toaan.gov.vn/>) đã có tổng số trên 6000 yêu cầu, trong đó hơn 3000 yêu cầu được giải quyết và hơn 300 yêu cầu bị từ chối¹³⁹.

2.4.2. Công bố công khai bản án

Năm 2017, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Trừ các bản án có liên quan đến bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo yêu cầu chính đáng của đương sự¹⁴⁰, sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm công khai bản án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án¹⁴¹.

Công khai các bản án, quyết định của Tòa án trực tuyến sẽ tạo điều kiện tốt hơn để người dân, doanh nghiệp giám sát được chất lượng xét xử của hệ thống Tòa án, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu pháp luật. TANDTC đã xây dựng và cho ra mắt Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án vào tháng 07/2017¹⁴² (<http://congbobanan.toaan.gov.vn>).

Các Tòa án được khảo sát đều đã thực hiện nghiêm túc chủ trương công khai bản án, quyết định trên Cổng Thông tin điện tử của Tòa án. Bộ phận văn phòng hoặc Bộ phận hành chính tư pháp thường có nhiệm vụ theo dõi việc công khai bản án và cảnh báo Thẩm phán về việc thời hạn công khai bản án để hạn chế tình trạng công khai bản án không đúng thời hạn.

Tuy nhiên, những người được phỏng vấn cho rằng việc công khai bản án làm tăng khối lượng công việc cho Thẩm phán và Thư ký do việc mã hóa thông tin mất nhiều thời gian, áp lực phải công khai bản án đúng thời hạn, nhất là vào dịp cuối năm, cuối kỳ thống kê khi lượng công việc phải giải quyết còn nhiều. Có Thẩm phán đề xuất mỗi Tòa án nên thành lập tổ biên tập bản án để hỗ trợ Thẩm phán trong việc công khai

¹³⁹ Tòa án nhân dân tối cao (2020), Hệ thống đăng ký trực tuyến cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án, <https://capsaobanan.toaan.gov.vn/11tatc/dang-ky-cap-sao-trich-luc>

¹⁴⁰ BLTTDS 2015, Điều 109, khoản 2

¹⁴¹ BLTTDS 2015, Điều 269; Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP, Điều 6

¹⁴² Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Tòa án*, http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/299083?p_page_id=1753011&pers_id=1751940&folder_id=&item_id=208401320&p_details=1

bản án, giúp cho chất lượng bản án công khai được nâng cao và đồng đều hơn. Đồng thời, nên bỏ quy định công khai bản án là một trong các tiêu chí thi đua của cá nhân Thẩm phán, mà thay vào đó là tiêu chí thi đua của tập thể.

Theo các luật sư được khảo sát, việc công khai bản án là một cải cách rất đáng ghi nhận của hệ thống Tòa án nhân dân. Các bản án được công khai là nguồn dữ liệu kiến thức, chuyên môn pháp lý quý giá và hữu ích cho những người hành nghề luật. Công khai bản án cũng đã tác động vào chất lượng xét xử của Tòa án và là nguồn để phát triển án lệ tại Việt Nam. Các luật sư đều có ý kiến là chất lượng viết bản án trong thời gian gần đây tại các Tòa án là tốt hơn trước, có thể là nhờ vào công tác công khai bản án. Tuy nhiên, một số luật sư cho rằng một số Thẩm phán e ngại việc công khai bản án sẽ bộc lộ năng lực của Thẩm phán hoặc những vấn đề khác trong công tác xét xử của Thẩm phán. Do đó, các luật sư cũng phản ánh về tình trạng một số Thẩm phán, thư ký Tòa án có gợi ý các đương sự, luật sư trong các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại là không nên công khai bản án vì có thể không có lợi cho đương sự. Nhưng thực tế việc công khai bản án có thể không có lợi cho chính Thẩm phán. Các luật sư này cũng đề nghị cần phải có biện pháp hạn chế tình trạng này.

2.4.3. Một số phân tích, nhận định về công tác cấp, trích lục, giao, gửi bản án và công khai bản án

Ở Việt Nam, cấp bản án cho đương sự là công đoạn tiếp nối giữa hoạt động xét xử và hoạt động thi hành án. Nếu đương sự nhận được bản án chậm sau khi xét xử thì sẽ kéo theo việc chậm trễ thi hành án và ảnh hưởng chung tới tổng thời gian giải quyết tranh chấp từ khi nộp đơn khởi kiện đến khi bản án được thi hành xong¹⁴³. Công đoạn cấp, trích lục, gửi bản án tại Việt Nam là một vấn đề cần được cải thiện¹⁴⁴. Tuy nhiên, việc triển khai thành công của Hệ thống đăng ký trực tuyến cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án của TANDTC áp dụng cho các TAND trên toàn quốc là một minh chứng cho nhu cầu được áp dụng phương thức điện tử trong các hoạt động hành chính tư pháp và áp dụng Tòa án điện tử trong tương lai.

Công khai các bản án là một hoạt động có ý nghĩa trong việc minh bạch hoá hoạt động xét xử, thúc đẩy thực thi công lý, tôn trọng nhân quyền¹⁴⁵. Công khai bản án cũng làm gia tăng niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào công lý, công bằng trong hoạt

¹⁴³ Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 13

¹⁴⁴ Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 13

¹⁴⁵ Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Lời nói đầu; UNODC (2011), sđd, trang 85. Tham khảo ICCPR, khoản 1 Điều 14.

động xét xử, môi trường thể chế thúc đẩy kinh doanh¹⁴⁶. Kinh nghiệm ở những quốc gia có chỉ số Thực thi hợp đồng cao cho thấy họ đều công khai các bản án dưới nhiều hình thức như bản in hay công khai trực tuyến. Công khai bản án cũng thể hiện tính liêm chính của hoạt động tư pháp. Theo Báo cáo của Ban Nội chính Trung ương, công khai bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án nhằm giúp nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tư pháp, tăng cường năng lực của tòa án, giúp giảm bớt khiếu kiện liên quan đến hoạt động của Tòa án, nâng cao chất lượng xét xử, tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong xã hội, cũng như góp phần củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào sứ mệnh của Tòa án trong việc bảo vệ công lý, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức¹⁴⁷. Kinh nghiệm ở Vĩnh Long (xem **Hộp 8: Công bố công khai bản án tại TAND tỉnh Vĩnh Long (2012)**) là một minh chứng thực tế cho hiệu quả của công tác công khai bản án.

Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới cũng đưa vấn đề công khai bản án trực tuyến là một yếu tố quan trọng chỉ số Tòa án tự động (Court automation). Hàn Quốc (theo hệ thống luật thành văn) và Singapore (theo hệ thống luật án lệ) là hai quốc gia đứng đầu thế giới về xếp hạng của chỉ số thực thi hợp đồng trong Báo cáo môi trường kinh doanh đều triển khai mô hình Tòa án điện tử, công khai bản án trực tuyến¹⁴⁸. Hiện nay, TANDTC đang triển khai các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin thuộc dự án “Tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng xét xử tại Việt Nam” do cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ. TANDTC cũng đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là “nghiên cứu, xây dựng cơ chế, phương thức để thực hiện việc tin học hóa trong hoạt động tố tụng và hành chính tư pháp tại Tòa án làm nền tảng cho việc xây dựng Tòa án điện tử”¹⁴⁹.

Công khai bản án là điều kiện cơ bản để hệ thống Tòa án nhân dân xây dựng án lệ và thúc đẩy việc áp dụng thống nhất pháp luật theo đúng các quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC¹⁵⁰.

Mặc dù còn những hạn chế nhất trong bước đầu thực hiện việc công khai bản án, có thể khẳng định việc công khai bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án là một bước chuyển biến quan trọng của hệ thống TAND, là một trong những cơ chế hữu hiệu để nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của Tòa án, tăng cường sự

¹⁴⁶ Ngân hàng Thế giới (2018), trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 13

¹⁴⁷ Ban Nội chính Trung ương (2017), sđd, trang 24, 25; UNODC (2011), sđd, trang 45

¹⁴⁸ Ngân hàng Thế giới (2018), sđd, trang 108; xem thêm Nguyễn Hưng Quang (2018), sđd, trang 13

¹⁴⁹ Chỉ thị 01/2020/CT-CA ngày 09/01/2020

¹⁵⁰ Kế hoạch số 122/BCS; UNDP (2014), sđd, trang 73 – 77; Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ

liêm chính của hệ thống Tòa án nhân dân, có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xét xử, phát triển án lệ và chế độ trách nhiệm của Thẩm phán¹⁵¹.

Tiểu kết 4: Cấp trích lục, giao, gửi bản án và công khai bản án

1. Việc cấp, trích lục, giao, gửi bản án hiện nay đã có tiến bộ hơn thời gian trước, bảo đảm trong thời gian luật định đối với tất cả các Tòa án và sớm hơn thời gian luật định đối với những Tòa án có cải cách mạnh mẽ về TTHC tư pháp. Việc cấp trích lục, giao, gửi bản án qua phương tiện điện tử chưa được thực hiện ở bất kỳ Tòa án nào trong giai đoạn khảo sát (12/2018) nhưng đã thực hiện với kết quả nhất định trong giai đoạn hoàn thiện Nghiên cứu (07/2020).

2. Việc công khai bản án trên Cổng thông tin điện tử của TANDTC là một bước chuyển biến quan trọng của hệ thống TAND, thúc đẩy tính liêm chính - minh bạch, tăng cường thực thi công lý và tôn trọng nhân quyền của hệ thống Tòa án nhân dân. Thêm vào đó, công khai bản án cũng giúp cho việc phát triển án lệ và thống nhất áp dụng pháp luật trên toàn quốc. Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục nâng cao chất lượng của các bản án được công khai, hạn chế tình trạng trốn tránh công khai bản án...

¹⁵¹ Kế hoạch số 122/BCS; UNDP (2014), sđd, trang 73 – 77

PHẦN III – KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Như đã phân tích tại phần đầu, Báo cáo “*Những thực tiễn tốt về thực hiện thủ tục hành chính tư pháp nhằm tăng cường tính liêm chính của Tòa án*” được triển khai nhằm tìm hiểu các quy định pháp luật hiện hành về TTHC tư pháp tại Tòa án và thực tiễn giải quyết các thủ tục này, từ đó tìm ra những mô hình đang hoạt động hiệu quả và đề xuất nhân rộng trong hệ thống Tòa án nhân dân. Qua quá trình khảo sát, Nhóm nghiên cứu lựa chọn và đề xuất một số thực tiễn tốt liên quan tới 04 (bốn) nhóm TTHC tư pháp trong phạm vi nghiên cứu và có những đề xuất cụ thể như sau:

1. Nhóm TTHC tư pháp liên quan tới tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án (bao gồm cả hoạt động hòa giải của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án)

Thực tiễn tốt 1: Mô hình Bộ phận hành chính tư pháp và nhận đơn, chứng cứ bằng phương tiện điện tử

Nghiên cứu ghi nhận những ưu điểm của mô hình Bộ phận hành chính tư pháp trong quy trình tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án, giúp Thẩm phán có thể chuyên tâm xét xử. Mô hình này hiện đang được áp dụng tại tất cả 07 (bảy) Tòa án được khảo sát.

Từ thực tiễn tốt này, Nghiên cứu đề xuất cần sớm triển khai áp dụng mô hình Bộ phận hành chính tư pháp đồng bộ trên phạm vi cả nước, cụ thể như sau:

- TANDTC cần thực hiện việc tổng kết 5 (năm) năm thực hiện Chỉ thị số 03/2016/CT-CA của Chánh án TANDTC về việc tăng cường công tác cải cách TTHC tư pháp tại Tòa án nhân dân và triển khai nhiệm vụ trọng tâm về hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của bộ phận hành chính tư pháp hoặc phòng hành chính tư pháp theo Chỉ thị 01/2020 của Chánh án TANDTC. TANDTC cần lựa chọn mô hình và phương pháp phù hợp cho việc thực hiện công tác TTHC tư pháp theo hướng nâng cao hiệu quả, hiệu lực và công khai hoạt động của Tòa án;
- Hệ thống Tòa án nhân dân cần triển khai “thực hiện cơ chế một cửa liên thông và đơn giản hóa việc tiếp nhận, hướng dẫn giải quyết các yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, công dân trước và sau các phiên tòa” mà Chỉ thị 01/2020 của Chánh án TANDTC đã đặt ra. Cơ chế và mô hình “một cửa liên thông” nên được thống nhất trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân để thuận tiện cho người

dân, doanh nghiệp. Mô hình “hành chính một cửa liên thông” do Chính phủ xây dựng¹⁵² là một hình mẫu tốt để áp dụng đối với hệ thống Tòa án nhân dân;

- TAND các cấp nên có các quy trình nghiệp vụ về công tác hành chính tư pháp, nên sơ đồ hoá quy trình nghiệp vụ này và quy trình giải quyết án/việc theo đúng cấu trúc tổ chức, đặc điểm nhân sự của Tòa án mình và công khai lên các trang tin điện tử hoặc bảng tin tại trụ sở Tòa án. Việc này sẽ giúp cho người dân, doanh nghiệp dễ thực hiện được các yêu cầu của pháp luật cũng như thực tiễn của Tòa án. Tại những Tòa án chưa thể thực hiện việc công khai thông tin hoạt động bằng phương thức điện tử thì việc công khai thông tin theo phương thức truyền thông, như bảng tin đặt tại trụ sở Tòa án cần luôn được cập nhật và giữ gìn sạch sẽ để người dân, doanh nghiệp có được cảm nhận tốt ngay với hoạt động của Tòa án;
- TANDTC và các Tòa án địa phương cần sớm triển khai hoạt động nộp đơn khởi kiện, chứng cứ tố tụng bằng phương thức điện tử cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020 theo Chỉ thị 01/2020 của Chánh án TANDTC, cũng như phù hợp với chương trình tổng thể về xây dựng Chính phủ điện tử. TAND các cấp có thể áp dụng phương thức điện tử đối với loại án kinh doanh thương mại vì các bên đương sự có thể đáp ứng được các điều kiện để thực hiện được phương thức này thuận lợi hơn các chủ thể khác, như có chữ ký điện tử. Sau khi triển khai thành công với loại vụ án kinh doanh thương mại, các Tòa án có được kinh nghiệm để triển khai áp dụng phương thức tiếp nhận đơn khởi kiện, chứng cứ tố tụng bằng phương thức điện tử đối với các loại án khác. Đồng thời, hệ thống Tòa án nhân dân có thể nghiên cứu các phương thức kỹ thuật khác thay thế cho việc yêu cầu phải có chữ ký điện tử đối với cá nhân, tổ chức không phải là các doanh nghiệp. Phương thức áp dụng dịch vụ công cấp độ 4 nhưng không đòi hỏi người dân, tổ chức, doanh nghiệp phải có chữ ký số của các cơ quan hành chính nhà nước hiện nay là thực tiễn tốt mà hệ thống Tòa án nhân dân có thể áp dụng.

Thực tiễn tốt 2: Hoà giải, đối thoại tại Tòa án

Việc thành lập thí điểm hoạt động hoà giải, đối thoại tại Tòa án từ năm 2018 có những đóng góp nhất định đối với việc giải quyết tranh chấp dân sự và kinh doanh thương mại cũng như giảm áp lực xét xử cho hệ thống Tòa án nhân dân như đã khảo sát. Kết quả khảo sát chưa thực sự đủ để xây dựng một thực tiễn tốt thực sự về công tác hoà giải, đối thoại để có thể nhân rộng mô hình này. Tuy nhiên, qua nghiên cứu lý thuyết

¹⁵² Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, ngày 22/06/2007

và khảo sát thực tiễn về hoạt động hoà giải, đối thoại tại Toà án, Nghiên cứu đề xuất công tác này cần phải thực hiện các công việc sau:

- Hoạt động hoà giải, đối thoại tại Toà án là một hoạt động tự nguyện của các đương sự. Một bên hoặc các bên đương sự nếu không đồng ý thực hiện hoà giải, đối thoại hoặc các bên đã thực hiện hoà giải tại những tổ chức hoà giải độc lập khác thì Toà án phải thực hiện thụ lý ngay tranh chấp theo thủ tục tố tụng. Toà án không nên để hoà giải, đối thoại tại Toà án là một bước bắt buộc trước khi thụ lý đơn vì như vậy sẽ làm cho thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài hơn.
- Hoạt động hoà giải, đối thoại cần phải có các cơ chế và biện pháp quản lý hữu hiệu đối với thủ tục hoà giải, đối thoại để tránh tình trạng những thủ tục này có khả năng làm gia tăng thời gian thụ lý vụ án nói riêng và tổng thể thời gian giải quyết vụ án nói chung tại Toà án. Qua khảo sát, một số biện pháp có thể được xem xét, như: xác định thời hạn phải tiến hành hoà giải, thủ tục hoà giải, mối quan hệ giữa hoạt động hoà giải, đối thoại trước tố tụng và hoạt động hoà giải trong tố tụng...
- Hệ thống Toà án nhân dân cần phải có các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tính liêm chính của Toà án trong trường hợp sử dụng các Hoà giải viên thực hiện các công việc của hệ thống Toà án nhân dân nhưng không phải là cán bộ của Toà án. Các biện pháp này có thể bao gồm: xây dựng quy trình tuyển chọn Hoà giải viên phải chặt chẽ, xây dựng quy tắc đạo đức và ứng xử cho Hoà giải viên tại Toà án, xây dựng quy trình nghiệp vụ đối với hoạt động hoà giải và hoạt động đối thoại, thực hiện tốt công tác đào tạo kỹ năng về hoà giải và đối thoại và xây dựng quy chế giám sát các hoạt động hoà giải, đối thoại tại Toà án.

2. Nhóm TTHC tư pháp liên quan tới phân công Thẩm phán tại Toà án

Khảo sát thực tế 07 (bảy) TAND cho thấy các Toà án áp dụng các phương thức phân công án khác nhau, bao gồm phân công án ngẫu nhiên tự động và phân công án ngẫu nhiên có điều kiện. Nghiên cứu cũng cho thấy phân công Thẩm phán giải quyết vụ án là một vấn đề quan trọng trong quản lý hoạt động xét xử của Toà án và ảnh hưởng tới thời gian giải quyết vụ án, tính liêm chính, tính độc lập của Toà án và niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào hệ thống tư pháp.

Do đó, Nghiên cứu đề xuất trong giai đoạn trước mắt việc phân công Thẩm phán giải quyết vụ án có thể áp dụng phân công án ngẫu nhiên có điều kiện, bao gồm kết hợp giữa yếu tố ngẫu nhiên và yếu tố đảm bảo sự chuyên môn hoá của Thẩm phán được phân công xử lý các loại vụ án. Tuy nhiên, để bảo đảm được phân công án ngẫu nhiên có điều kiện được công khai, minh bạch, có trách nhiệm giải trình và bảo đảm được tính độc lập, khách quan, vô tư của Thẩm phán thì Tòa án cũng cần phải xây dựng những tiêu chí rõ ràng, được quy phạm hoá đối với các điều kiện này. Hệ thống Tòa án nhân dân cần hướng tới áp dụng toàn ngành về phân công án ngẫu nhiên tự động để bảo đảm được tối đa về tính công khai, minh bạch, có trách nhiệm giải trình, tính độc lập, khách quan và vô tư của Thẩm phán. Việc áp dụng phân công án ngẫu nhiên tự động sẽ góp phần tạo áp lực nâng cao năng lực của Thẩm phán.

3. Nhóm TTHC tư pháp liên quan tới quản lý thời gian giải quyết vụ án (bao gồm cả thủ tục công khai quy trình giải quyết vụ án; áp dụng thủ tục rút gọn; giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; hoãn phiên tòa)

Thực tiễn tốt 3: Phần mềm chuyên biệt giúp quản lý thời gian giải quyết vụ án

TANDCC Hà Nội và TAND Tp. Hồ Chí Minh là những thực tiễn tốt trong việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý thời gian tổ tụng một cách hiệu quả. Lưu ý rằng việc xây dựng phần mềm chuyên biệt để quản lý thời gian tổ tụng đòi hỏi sự đầu tư về thời gian, nhân lực, kinh phí, sự chuẩn hoá quy trình nội bộ và cả sự đồng lòng phối hợp trong nội bộ mỗi Tòa án. Kinh nghiệm sử dụng phần mềm Excel để quản lý vụ án tại TAND tỉnh Bình Dương rất phù hợp cho những nơi chưa có ngân sách để xây dựng phần mềm chuyên biệt.

Trên cơ sở các thực tiễn tốt về sử dụng phần mềm, Nghiên cứu đề xuất TANDTC có thể phát triển một phần mềm chung cho tất cả các Tòa án trên toàn quốc về quản lý thời gian giải quyết vụ án hoặc đưa ra một tiêu chí chung về xây dựng phần mềm để các Tòa án tự phát triển trên cơ sở nguồn lực hiện có nhưng phải bảo đảm khả năng tích hợp giữa các phần mềm trong tương lai để tránh lãng phí nguồn lực nhưng lại có thể nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị Tòa án.

Thực tiễn tốt 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công khai quy trình giải quyết vụ án

Công khai thông tin về các hoạt động của Tòa án có ý nghĩa rất lớn để các bên liên quan cùng kiểm soát được thời gian, quy trình giải quyết vụ án cùng với Tòa án và tăng cường tính minh bạch về hoạt động của Tòa án. Kết quả khảo sát đã ghi nhận

nỗ lực của hệ thống Tòa án nhân dân trong việc nâng cấp giao diện của Cổng thông tin điện tử của TANDTC và trang thông tin điện tử của 63 TAND cấp tỉnh và 03 TANDCC. Những trang thông tin này đã công khai hoạt động của Tòa án, quy trình giải quyết vụ án.

Thực tiễn tốt này cho thấy các trang thông tin điện tử của Tòa án (trừ TANDTC và TANDCC Hà Nội, TAND Tp. Hồ Chí Minh) cần phải có cán bộ chuyên trách, bao gồm cán bộ kỹ thuật và thư ký Tòa án để cập nhật thường xuyên thông tin về giải quyết vụ án, thủ tục tố tụng, biểu mẫu pháp lý cần sử dụng trong hoạt động tố tụng. TAND Tp. Hồ Chí Minh là một thực tiễn tốt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để công khai quy trình giải quyết vụ án (qua các màn hình kiosk tại trụ sở Tòa án).

4. Nhóm TTHC tư pháp liên quan tới cấp trích lục, giao, gửi bản án và công khai bản án

Khảo sát cho thấy việc cấp trích lục, giao, gửi bản án hiện nay đã có tiến bộ hơn thời gian trước thể hiện ở kết quả rằng hoạt động này đã được bảo đảm trong thời gian luật định đối với tất cả các Tòa án. Riêng đối với những Tòa án có cải cách về TTHC tư pháp mạnh mẽ thì việc cấp trích lục, giao, gửi bản án còn được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn hơn so với luật định. Việc cấp trích lục, giao, gửi bản án thông qua phương tiện điện tử trong thời gian hiện nay (07/2020) đã được thực hiện tại cổng thông tin điện tử của TANDTC là một minh chứng tốt đóng góp đáng kể cho việc xây dựng mô hình Tòa án điện tử và Tòa án tự động.

Nghiên cứu cũng cho thấy công khai bản án trên Cổng thông tin điện tử của TANDTC là một bước chuyển biến quan trọng của hệ thống TAND, thúc đẩy tính liêm chính, minh bạch, tăng cường thực thi công lý, tôn trọng nhân quyền của hệ thống Tòa án nhân dân. Thêm vào đó, công khai bản án cũng giúp cho việc phát triển án lệ, thống nhất áp dụng pháp luật trên toàn quốc.

Cuối cùng, các thẩm phán và cán bộ Tòa án của Việt Nam cũng có thể hưởng lợi từ sự tham gia của ngành tư pháp Việt Nam vào Mạng lưới Liêm chính Tư pháp của ASEAN (Judicial Integrity Network in ASEAN¹⁵³). Mạng lưới này được thành lập vào năm 2018, với Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan là các thành viên sáng lập. Việt Nam gia nhập Mạng lưới Liêm chính Tư pháp của ASEAN vào năm 2019. Mạng lưới Liêm chính Tư pháp là một phương tiện để chia sẻ kiến thức, thông lệ tốt và các công cụ để nâng cao tính liêm chính, minh bạch của tư pháp và các khía cạnh

¹⁵³ Xem tại link [Judicial Integrity Network in ASEAN](#)

khác của một tòa án điển hình nhằm xây dựng niềm tin của công chúng. Mạng lưới này kết nối các chuyên gia tư pháp từ các quốc gia ASEAN và cả các chuyên gia từ các nước ngoài khu vực, cung cấp sự hỗ trợ khi các tòa án muốn trao đổi kiến thức về các chủ đề cùng quan tâm hoặc thực hiện tự đánh giá với sự hỗ trợ từ các đồng nghiệp và chuyên gia thành viên của Mạng lưới thông qua việc sử dụng Khuôn khổ quốc tế cho một tòa án điển hình (International Framework for Court Excellence) cũng như Danh sách kiểm tra tính liêm chính tư pháp của UNDP (UNDP Judicial Integrity Checklist¹⁵⁴).

¹⁵⁴ Xem tại link [UNDP Judicial Integrity Checklist](#)

PHẦN IV – PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Đề án thực trạng và giải pháp phòng, chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp của Tòa án*
2. Ban Kinh tế Trung ương – Cơ quan hợp tác phát triển Hoa Kỳ (2017), *Chẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam*
3. Ban Nội chính Trung ương (2017), *Báo cáo nghiên cứu hoàn thiện thể chế pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động tư pháp nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh ở Việt Nam*
4. Báo Điện tử Chính phủ (2019), *Thủ tướng khai trương Trực liên thông văn bản quốc gia*
5. Báo Quảng Bình điện tử (2017), *Cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại tòa: Hướng đến tinh gọn và hiệu quả*
6. Bộ Tư pháp – Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (2014), *Báo cáo thực trạng quản lý hành chính tại Tòa án nhân dân địa phương ở Việt Nam*
7. Bùi Trang (2016), *Tòa xử kéo dài, phải có chế tài cho Thẩm phán*, Báo Đầu tư
8. Cẩm Vân (2013), *Nhân rộng mô hình “một cửa” tại Tòa án để tăng khả năng tiếp cận công lý cho người dân*, Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp
9. Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (2018), *Báo cáo đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2018*
10. David Steelman, John Goerdt và James McMillan (2004), *Caseflow Management: The Heart of Court Management in the New Millennium (Quản lý lưu lượng vụ án: Trọng tâm quản lý Tòa án trong thiên niên kỷ mới)*, National Center for State Courts
11. Đoàn Thị Sớm (2018), *Một số vướng mắc, bất cập trong quy định về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015*, Trang thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
12. Dự án JUDGE_NHQuang&Cộng sự (2012), *Báo cáo đánh giá hợp phần 2: Cải cách hành chính tư pháp – Kinh nghiệm từ ba Tòa án thí điểm của Dự án hỗ trợ cải cách tư pháp từ cơ sở*
13. Erwin Rooze (2010), *Sử dụng phân biệt các hệ thống quản lý vụ án điện tử*, Tạp chí Quốc tế về Quản lý Tòa án 3 (1)
14. Mạng lưới các Hội đồng Tư pháp Châu Âu (ENCJ), *Báo cáo của ENCJ 2013-2014*, Tiêu chuẩn Tư pháp Tối thiểu IV, Phân công Án
15. Hà Chính (2019), *Bước tiến dài từ nút bấm điện tử của Thủ tướng*, Báo Điện tử Chính phủ
16. Heike P. Gramckow và Valerie Nussenblatt (Phòng Phó chủ tịch pháp lý, Ngân hàng Thế giới, Washington, DC.) (2013), *Case flow management : key principles and the systems*

- to support, (*Quản lý lưu lượng vụ án: Các nguyên tắc chính và các hệ thống hỗ trợ*;) Tài liệu công lý và phát triển 23/2013
17. Hồ Nguyễn Quân (2017), *Một số vấn đề về thủ tục rút gọn trong Bộ luật TTDS năm 2015*, Bộ Tư pháp
 18. Hoàng Anh (2019), *Trục liên thông văn bản quốc gia: Bước cơ bản cho quá trình chuyển đổi số của Chính phủ*, Báo Điện tử Chính phủ
 19. Hồ Chí Minh, *Thư gửi Hội nghị Tư pháp toàn quốc tháng 2 năm 1948*, Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5
 20. HTQT, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tham dự Hội nghị Hội đồng Chánh án các nước ASEAN (“CACJ”) lần thứ 5 tại Brunei, Trang thông tin điện tử của Học viện Tòa án
 21. Huy Vũ (2018), *Hướng tới xây dựng Tòa án thông minh tại Việt Nam*, Cổng thông tin điện tử TANDTC
 22. Kha Miên (2017), *Đổi mới thủ tục hành chính tư pháp*, Báo Đà Nẵng
 23. Lưu Thị Dung (2017), *Tòa án nhận đơn kiện vào các ngày chẵn lẻ: Có đúng quy định của pháp luật?*, Báo Pháp luật
 24. Mai Đình (2018), *Lẽ ra mắt giao diện mới của Cổng thông tin điện tử TANDTC*, Báo Công lý
 25. Mai Thoa (2015), *Đề xuất cơ chế, mô hình giải quyết vụ, việc dân sự theo thủ tục rút gọn*, Báo Công lý
 26. Mai Tiến Dũng, *Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số ở Việt Nam*, Trang tin Chính phủ điện tử
 27. Ngân hàng Thế giới (2018), *Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2018*
 28. Ngân hàng Thế giới (2019), *Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2019*
 29. Nguyễn Hải Bằng (2020), *Một số ý kiến bình luận về báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường niềm chính của Tòa án”*, Tài liệu hội thảo Tham vấn ý kiến dự thảo báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường niềm chính của Tòa án”
 30. Nguyễn Hưng Quang & Pip Nicholson (2018), *Independence, Impartiality and Integrity of the Judiciary in Vietnam*, trong sách *Asia-Pacific Judiciaries - Independence, Impartiality and Integrity*, H.P. Lee và Marilyn Pittard (chủ biên), Cambridge University Press.
 31. Nguyễn Hưng Quang, (2018), *Báo cáo Nhu cầu của doanh nghiệp đối với hoạt động của Tòa án trong việc đảm bảo thực thi hợp đồng*, Dự án quản trị Nhà nước nhằm tăng cường toàn diện (GIG).
 32. Nguyễn Huy Hoàng (2018), *Vướng mắc về thủ tục rút gọn*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử
 33. Nguyễn Ngọc, *Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Nam Định và Hà Nam trao đổi kinh nghiệm về cải cách hành chính tư pháp*, Trang thông tin điện tử Học viện Tòa án

34. Nguyễn Thị Thu Hòa, *Bàn về vấn đề gửi đơn khởi kiện trực tuyến trong Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015*, Trang thông tin điện tử tổng hợp của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh
35. Phạm Hồng Lĩnh (2017), *Hoàn thiện thủ tục phân công Thẩm phán giải quyết vụ án đáp ứng yêu cầu đổi mới thủ tục hành chính*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 13 (kỳ I tháng 7/2017)
36. Phan Thị Thu Hà (2020), *Bình luận, góp ý về dự thảo báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Tòa án”*, Tài liệu hội thảo Tham vấn ý kiến dự thảo báo cáo “Những thực tiễn tốt về thực hiện TTHC tư pháp nhằm tăng cường liêm chính của Tòa án”
37. TAND tỉnh Bình Dương tổ chức sơ kết thí điểm về đổi mới tăng cường hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương
38. Th.s Ung Thị Xuân Hương (12/04/2019), Chánh án TAND Tp. Hồ Chí Minh, *Tham luận góp ý Dự thảo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án*, Hội thảo quốc tế về Dự án Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án
39. ThS. Tạ Đình Tuyên (2018), *Thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử
40. Thu Hằng (2018), *Đẩy mạnh đổi mới, cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam
41. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2012), *Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện thí điểm cải cách hành chính tư pháp tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long*
42. Tòa án Nhân dân Tối cao (2017), *Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Tòa án*
43. Trần Quang Huy (2017), *Học tập kinh nghiệm của Tòa án Hàn Quốc về ứng dụng công nghệ thông tin*, Báo Công lý
44. UNDP_VCCI (2017), *Research report: Court Integrity in Settlement of Business and Commercial Cases - A Practical View* (Báo cáo nghiên cứu Tính liêm chính của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp thương mại - Góc nhìn thực tế) (English version)
45. UNODC (2011), *Hướng dẫn tăng cường năng lực và liêm chính tư pháp*
46. Viện Quản lý kinh tế trung ương – Dự án GIG (2017 – 2018), *Khảo sát về việc thực thi Nghị quyết 19 của Chính phủ*
47. Vĩnh Hà (2018), *Từ tháng 11-2018, thí điểm nhận đơn kiện qua phương tiện điện tử*, Báo Tuổi trẻ

PHỤ LỤC II – DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”
2. Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020
3. Nghị quyết 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020
4. Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015
5. Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án
6. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014
7. Luật Tố tụng hành chính 2015
8. Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ
9. Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án
10. Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Luật tố tụng hành chính 2015 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử
11. Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ hai “thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự
12. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án
13. Quyết định 345/2016/QĐ-CA của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
14. Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/09/2001 phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010
15. Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017
16. Chỉ thị số 01/2020/CT-CA của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các Tòa án
17. Chỉ thị 03/2016/CT-CA của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án nhân dân

18. Chỉ thị số 04/2017/CT-CA về việc tăng cường công tác hòa giải tại Tòa án nhân dân
19. Công văn số 240/TH của Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/07/1992 về việc hoãn phiên tòa
20. Kế hoạch số 122/BCS của Ban Cán sự Đảng TANDTC ngày 26/12/2005
21. Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021
22. Nghị quyết 19/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia
23. Nghị quyết 19-2015/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2015-2016
24. Nghị quyết 19-2016/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020
25. Nghị quyết 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018, định hướng đến năm 2020
26. Nghị quyết 19-2018/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo
27. Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020
28. Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử
29. Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán 2018

PHỤ LỤC III – BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO THẨM PHÁN

Mục đích: Tìm hiểu thực tiễn về việc giải quyết các TTHC tư pháp tại Tòa án nhìn từ góc độ của Thẩm phán

Đối tượng: Thẩm phán của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện trong phạm vi địa bàn khảo sát

PHẦN I. THỦ TỤC NỘP ĐƠN KHỞI KIỆN

1. Xác định bộ phận tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án mà Thẩm phán công tác (Văn thư/Văn phòng/Bộ phận hành chính tư pháp hay Tòa chuyên trách)
2. Mô tả quy trình tiếp nhận đơn khởi kiện đang áp dụng tại Tòa án. Nhận định về việc nhân rộng mô hình này tại các địa phương.
3. Thực tiễn áp dụng mô hình nộp đơn khởi kiện qua phương thức trực tuyến.

PHẦN II. PHÂN CÔNG THẨM PHÁN

4. Mô tả và đánh giá về phương thức phân công Thẩm phán giải quyết các vụ án trong lĩnh vực kinh doanh thương mại hiện đang được áp dụng tại Tòa án mà Thẩm phán công tác (đặc biệt là các tiêu chí phân công).
5. Thực tiễn áp dụng phần mềm phân công Thẩm phán tại Tòa án.

PHẦN III. QUẢN LÝ THỜI GIAN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

6. Mô tả cách thức quản lý thời gian tố tụng của Thẩm phán và của lãnh đạo Tòa án (ví dụ như thông qua cơ chế báo cáo nội bộ) trong quá trình giải quyết các vụ án.
7. Thực tiễn áp dụng phần mềm quản lý thời gian tố tụng. Nhận định về việc nhân rộng mô hình này tại các địa phương.

PHẦN IV. CÔNG KHAI QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

8. Thực tiễn công khai các thông tin về quy trình giải quyết vụ án nói chung (qua Cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của Tòa án, qua các bảng tin tại trụ sở Tòa án). Đánh giá về mức độ hiệu quả của phương thức công khai thông tin hiện đang được áp dụng.

PHẦN V. CÁC BIỆN PHÁP RÚT GỌN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

9. Thực tiễn giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.
10. Thực tiễn trong việc tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của BLTTDS 2015.
11. Thực tiễn và vướng mắc liên quan đến việc hoãn phiên tòa trong quá trình giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại.

PHẦN VI. THỦ TỤC CẤP TRÍCH LỤC, GIAO, GỬI BẢN ÁN VÀ CÔNG KHAI BẢN ÁN

12. Xác định phương thức cấp trích lục, giao, gửi bản án (giao trực tiếp, qua đường bưu điện hay phương tiện điện tử). Nhận định những vướng mắc liên quan đến việc thực thi các quy định về cấp trích lục, giao, gửi bản án (nếu có).

13. Mô tả cách thức công khai bản án trên trang thông tin điện tử Công bố bản án, quyết định của Tòa án. Nhận định về những vướng mắc trong quá trình thực hiện công khai bản án hiện nay.

PHẦN VII. HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN

14. Mô tả quy trình giải quyết một vụ việc thông qua Trung tâm hoà giải, đối thoại (nếu có)? *(lưu ý mối liên hệ giữa việc nộp đơn khởi kiện với việc hoà giải tại Trung tâm)*. Xác định những vướng mắc trong quá trình hoạt động của Trung tâm hoà giải, đối thoại (nếu có).

PHỤ LỤC IV – BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO LUẬT SƯ, DOANH NGHIỆP

Mục đích: Tìm hiểu thực tiễn về việc thực hiện các TTHC tư pháp tại Tòa án nhìn từ góc độ của luật sư và doanh nghiệp

Đối tượng: Luật sư chuyên giải quyết vụ án thương mại và doanh nghiệp đã từng có vụ án thương mại giải quyết tại toà án trong phạm vi địa bàn khảo sát

PHẦN I. THỦ TỤC NỘP ĐƠN KHỞI KIỆN

1. Mô tả và nhận xét về quy trình nộp đơn tại Tòa án
2. Mô tả quá trình và thời gian thực hiện việc nộp đơn khởi kiện bằng phương thức trực tuyến (nếu có)

PHẦN II. CHẤT LƯỢNG THẨM PHÁN ĐƯỢC PHÂN CÔNG

3. Đánh giá về năng lực chuyên môn và tính khách quan của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án.

PHẦN III. MỨC ĐỘ TUÂN THỦ THỜI GIAN TỐ TỤNG

4. Đánh giá về tính kịp thời của Tòa án khi gửi các thông báo (như Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện, Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, Thông báo về việc thụ lý vụ án) trong giai đoạn nộp đơn và thụ lý vụ án.
5. Đánh giá về tính kịp thời của Tòa án khi gửi các thông báo (như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm) trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

PHẦN IV. CÔNG KHAI QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

6. Mô tả và đánh giá cách thức tìm hiểu thông tin về quy trình giải quyết vụ án (gặp cán bộ Tòa án để hỏi, tham khảo bảng tin của Tòa án, tìm hiểu trên Internet, ...)
7. Trải nghiệm thực tế trong việc truy cập trang thông tin điện tử của Tòa án cấp tỉnh của địa phương. Đánh giá về hoạt động công khai thông tin trên trang điện tử này (giao diện, mức độ thuận tiện khi sử dụng, mức độ chính xác và đầy đủ của thông tin được đăng tải).

PHẦN V. CÁC BIỆN PHÁP RÚT GỌN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

8. Trải nghiệm thực tế và đánh giá về việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn (nếu có vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn).
9. Trải nghiệm thực tế và đánh giá về chất lượng của phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử (mức độ nghiêm túc của Thẩm phán và Thư ký Toà án, tính chính xác của Biên bản hòa giải, ...).
10. Trải nghiệm thực tế đối với tình trạng hoãn phiên tòa. Mô tả phương thức và tính kịp thời của việc thông báo hoãn phiên tòa (qua đường bưu điện, email/fax hay phương thức khác).

PHẦN VI. THỦ TỤC CẤP TRÍCH LỤC, GIAO, GỬI BẢN ÁN VÀ CÔNG KHAI BẢN ÁN

11. Xác định và đánh giá về phương thức nhận trích lục bản án, bản án (nhận trực tiếp tại Tòa án, qua đường bưu điện, hay phương thức trực tuyến).
12. Trải nghiệm thực tế và đánh giá về việc truy cập và tiến hành tra cứu bản án, quyết định của Tòa án trên trang thông tin điện tử Công bố bản án, quyết định của Tòa án (<https://congbobanan.toaan.gov.vn/>)

PHẦN VII. HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN

13. Mô tả quy trình thực hiện hòa giải tại Trung tâm hoà giải, đối thoại (nếu có).
14. Nhận xét về cách thức hoạt động của Trung tâm hoà giải, đối thoại và trình độ của hòa giải viên tham gia hòa giải vụ án.